

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

HỒ DIỆU MAI

CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

TP. HỒ CHÍ MINH NĂM 2024

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

HỒ DIỆU MAI

CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI
Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chuyên ngành: KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

Mã số chuyên ngành: 62 31 01 02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

HƯỚNG DẪN KHOA HỌC 1 : PGS.TS NGUYỄN VĂN TRÌNH
HƯỚNG DẪN KHOA HỌC 2: PGS.TS NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

Tp. Hồ Chí Minh năm 2024

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Đề tài được chọn nghiên cứu xuất phát từ những lý do cơ bản sau đây:

Thứ nhất, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và quá trình ứng dụng khoa học công nghệ 4.0 đã, đang tác động trực tiếp đến quá trình gia tăng về số lượng và đa dạng hóa đối tượng bảo trợ xã hội. Bối cảnh thế giới của thế kỷ XXI có những biến đổi mạnh mẽ đã, đang tác động đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, xu thế hội nhập quốc tế mở ra những thuận lợi và thách thức đối với hoạt động ngoại giao trong việc kết nối giữa các quốc gia. Sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư với nền tảng là công nghệ số, đang chuyển hóa toàn bộ thế giới thực thành thế giới số đã, đang tác động trực tiếp tới nền kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Thứ hai, vai trò của chính sách an sinh xã hội trong việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân. An sinh xã hội có vai trò to lớn đối với đời sống xã hội, đó là vai trò thúc đẩy tiến bộ xã hội, nhằm hướng đến đáp ứng những nhu cầu tối cần thiết cho những người gặp khó khăn, bất hạnh là vấn đề được ưu tiên trong chiến lược phát triển của thế giới.

Thứ ba, thực trạng chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh, là một trong những đô thị trung tâm của Việt Nam, Thành phố có tầm ảnh hưởng lớn cả về kinh tế và xã hội đối với khu vực, quốc tế. Với mật độ dân số tập trung cao, chủ yếu là dân cư lao động, do đó đã tạo đà cho việc phát triển kinh tế ở Thành phố. Bên cạnh việc xây dựng và phát triển kinh tế, chính quyền Thành phố luôn đặc biệt chú trọng đến xây dựng, phát triển đời sống văn hóa đô thị, trong đó đặc biệt chú trọng đến các nội dung hoạt động của hệ thống an sinh xã hội, hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân sinh sống ở Thành phố.

Thứ tư, từ thực tiễn tiếp cận, nghiên cứu thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh dưới bình diện Khoa học Kinh tế - Chính trị, xuất phát từ vai trò của chính sách an sinh xã hội đối với phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, vì vậy chính sách an sinh xã hội đã, đang trở thành đối tượng tiếp cận, nghiên cứu của các lĩnh vực khoa học khác nhau. Kết quả khảo sát cho thấy, đã có rất nhiều công trình tiếp cận. Tuy nhiên, tiếp cận, nghiên cứu chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh đặc biệt là tiếp cận ở phạm vi thực thi chính sách an sinh xã hội dưới bình diện Khoa học Kinh tế - Chính trị vẫn còn khan hiếm các công trình nghiên cứu.

Xuất phát từ tính cấp thiết cũng như sự phù hợp của đề tài, lĩnh vực nghiên cứu nói trên, tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu về **“Chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh”** làm đối tượng nghiên cứu của luận án. Từ các kết quả nghiên cứu này, luận án cũng hy vọng đóng góp một cách tiếp cận mới trong nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu chung: Làm rõ thực trạng thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đề xuất các hàm ý của chính sách an sinh xã hội hướng đến tổ chức thực thi hiệu lực, hiệu quả chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Mục tiêu cụ thể

1. Phân tích, luận giải, đánh giá thực trạng thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh;
2. Chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến hạn chế của thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh;
3. Đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của nhóm xã hội dễ bị tổn thương ở Thành phố.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để thực hiện mục đích nghiên cứu trên, đề tài triển khai thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Tổng thuật các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài, kế thừa những kết quả đạt được từ các công trình nghiên cứu đi trước, chỉ rõ những khoảng trống và các nội dung chủ yếu luận án cần tiếp tục nghiên cứu;

2. Xây dựng khung lý thuyết, làm rõ nền tảng cơ sở lý luận về CS an sinh xã hội, trong đó chỉ rõ nội hàm các khái niệm về chính sách an sinh xã hội, chức năng, tiêu chí đánh giá về chính sách an sinh xã hội, đúc kết kinh nghiệm của một số địa phương, từ đó rút ra bài học kinh nghiệm cho chủ thể quản lý nhà nước trong việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với bảo đảm hiệu quả hoạt động của hệ thống CS an sinh xã hội.

3. Điều tra, khảo sát thực tế hoạt động thực thi chính sách an sinh xã hội, từ đó, phân tích, đánh giá thực trạng thực thi CS an sinh xã hội ở TP. Hồ Chí Minh; nhận diện và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội; chỉ rõ những mặt tích cực, những hạn chế yếu kém, phân tích nguyên nhân khách quan, chủ quan của hạn chế, bất cập trong hoạt động thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh;

4. Đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả của chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh, góp phần thực hiện thành công mục tiêu an sinh xã hội của thành phố, hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của nhóm xã hội dễ bị tổn thương.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là “*Chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh*”, tuy nhiên khoa học chính sách công, quản lý công chỉ ra quy trình của chính sách công gồm có 04 bước: khởi sự và hoạch định chính sách; xây dựng và ban hành chính sách; tổ chức thực thi chính sách; đánh giá tác động của chính sách. Mỗi giai đoạn của chính sách đều có sự tác động qua lại trong mối tương quan của mỗi quan hệ giữa chủ thể hoạch định chính sách, ban hành chính sách với đối tượng thụ hưởng chính sách. Vì vậy, luận án tập trung nghiên cứu hoạt động thực thi chính sách ASXH ở Thành phố Hồ Chí Minh để làm rõ tính hiệu lực và hiệu quả của chính sách ASXH ở Thành phố.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về không gian*: Đề tài tập trung nghiên cứu ở Thành phố Hồ Chí Minh;
 - *Về thời gian*: - Đối với nguồn tài liệu nghiên cứu, đề tài tiếp cận, khảo cứu và sử dụng các nguồn tài liệu thứ cấp, hệ thống số liệu qua các văn bản, báo cáo,... từ năm 2015 đến tháng 12 năm 2022 để tham chiếu và đánh giá thực trạng chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh qua từng giai đoạn; - Đối với thời gian khảo sát, đề tài chủ yếu thực hiện khảo sát các chuyên gia và các nhà lãnh đạo, quản lý nhà nước làm việc liên quan đến các lĩnh vực lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội và cung ứng các dịch vụ công được tính từ tháng 11 năm 2018 và đến hết tháng 12 năm 2022.

4. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để thực hiện mục tiêu nghiên cứu trên, luận án triển khai nghiên cứu trên cơ sở những câu hỏi sau:

1. Cơ sở lý thuyết nào được vận dụng trong tiếp cận, nghiên cứu thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh?

2. Chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh được thực thi từ năm 2016 đến năm 2022 đã tác động như thế nào đến lợi ích về kinh tế, chính trị, xã hội,... của đối tượng thụ hưởng chính sách?

3. Những rào cản nào tác động đến hiệu quả của chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh?

4. Những giải pháp nào nâng cao hiệu quả của chính sách an sinh xã hội trong việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở Thành phố Hồ Chí Minh góp phần

phát triển kinh tế, xã hội và ổn định chính trị trong bối cảnh hội nhập quốc tế, ứng dụng khoa học công nghệ 4.0, chuyển đổi số, công nghệ số ở Thành phố?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

Tiếp cận, nghiên cứu đề tài, luận án đề ra một số giả thuyết nghiên cứu như sau:

Giả thuyết 1: Luận án sử dụng các lý thuyết về an sinh xã hội, vốn xã hội, đặc biệt sử dụng lý thuyết quản lý công mới, lý thuyết về chính sách công, lý thuyết về quyền con người để xây dựng khung lý thuyết về chính sách an sinh xã hội làm nền tảng cơ sở lý luận để luận giải, phân tích, đánh giá thực trạng về thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh;

Giả thuyết 2: Thành phố Hồ Chí Minh đã, đang nỗ lực thực thi chính sách an sinh xã hội, tuy nhiên vẫn chưa mang lại hiệu quả, mức độ bao phủ của chính sách còn thấp, vì vậy chưa đảm bảo được an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt là nhóm xã hội dễ bị tổn thương ở Thành phố;

Giả thuyết 3: Hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh chịu tác động bởi các yếu tố gồm: quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về chính sách an sinh xã hội; mức độ tăng trưởng và phát triển kinh tế; xu thế hội nhập và ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với thực thi chính sách an sinh xã hội; năng lực thực thi chính sách an sinh xã hội của chủ thể quản lý nhà nước; năng lực của đối tượng thụ hưởng chính sách an sinh xã hội.

Giả thuyết 4: Nhằm đảm bảo hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội, Thành phố tiến hành điều chỉnh một số công cụ và phương thức, trong đó đặc biệt chú trọng các phương thức, như: Nâng cao hiệu quả của hoạt động hoạch định, xây dựng và ban hành chính sách an sinh xã hội; Nâng cao hiệu quả hoạt động tổ chức, triển khai thực thi chính sách an sinh xã hội; Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp thực hiện chính sách an sinh xã hội; Tăng cường hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, ứng dụng khoa học công nghệ trong thực thi chính sách an sinh xã hội; Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với việc thực thi chính sách an sinh xã hội.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Phương pháp duy vật biện chứng, luận án vận dụng phương pháp này để nhận thức mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, với giải quyết tối ưu các chính sách an sinh xã hội hướng đến thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Nhận thức sự vận động và phát triển của các mối quan hệ xã hội, sự tác động của kinh tế đến các chính sách an sinh xã hội, trong việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Làm rõ mối quan hệ giữa sự vận động và phát triển của kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng với mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Phương pháp trừu tượng hóa khoa học, luận án vận dụng để gạt bỏ những yếu tố ngẫu nhiên, những hiện tượng tạm thời, gián tiếp tác động đến hiệu quả của chính sách an sinh xã hội, đồng thời nhận diện quá trình vận hành và phát triển của các chính sách an sinh xã hội, từ đó làm cơ sở để nhận diện những rào cản ảnh hưởng đến hiệu quả của chính sách an sinh xã hội. Bên cạnh đó, vận dụng để luận giải dự báo về xu thế vận hành và phát triển của hệ thống an sinh xã hội trong tương lai, đồng thời trừu tượng hóa trong việc xây dựng và đề xuất các giải pháp về chính sách an sinh xã hội để kích thích sự tăng trưởng, phát triển kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội, và ổn định chính trị.

Bên cạnh đó, luận án vận dụng Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, quyền được sống, được bảo vệ; các quan điểm, chủ trương của Đảng về mục tiêu an sinh xã hội; các khoa học liên ngành liên quan đến hoạt động xây dựng, hoạch định, phân tích, đánh giá chính sách an sinh xã hội làm cơ sở lý luận cho việc luận giải vai trò của chính sách an sinh xã hội trong việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt

là nhóm xã hội dễ bị tổn thương. Đồng thời, các phương pháp nghiên cứu này sẽ là cơ sở để phân tích, luận giải, xây dựng kết cấu của các nội dung nghiên cứu theo tư duy logic biện chứng và khoa học.

5.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

Phương pháp phân tích tài liệu: Luận án sử dụng một số tài liệu trong và ngoài nước có liên quan đến chủ đề chính sách công và chính sách an sinh xã hội. Trên cơ sở phân tích, đánh giá văn bản, báo cáo và các nghiên cứu đi trước, tác giả chỉ ra khía cạnh về chính sách an sinh xã hội mà các nghiên cứu trước chưa đề cập. Từ đó, kế thừa và vận dụng vào trong nghiên cứu của chương 1 và 2 của luận án. Khái quát về hiện trạng chính sách an sinh xã hội, giúp tác giả có đường hướng cụ thể cho các nội dung nghiên cứu của mình. Đồng thời, sử dụng kết quả phân tích hệ thống cơ sở dữ liệu trong một số báo cáo, dự báo, đề án,... liên quan đến các chính sách an sinh xã hội để tham chiếu và luận giải trong việc đánh giá thực trạng thực thi chính sách an sinh xã hội ở TP.HCM được trình bày tại chương 3 và cơ sở để xây dựng dự báo về xu thế phát triển chính sách an sinh xã hội và xu thế đa dạng hóa đối tượng bảo trợ xã hội, nhóm xã hội dễ bị tổn thương và nhóm yếu thế được trình bày tại chương 4.

Phương pháp phân tích, đánh giá tác động của chính sách: Bao gồm những chính sách đã được ban hành liên quan đến chính sách an sinh xã hội nói chung và chính sách an sinh xã hội ở TP.HCM nói riêng, nhằm đánh giá những ưu điểm, hạn chế và những bất cập trong chính sách, từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo hiệu quả thực thi hoạt động quản lý phát triển xã hội ở Thành phố. Mục đích sử dụng phương pháp đánh giá tác động của chính sách nhằm xác định mức độ tác động của chính sách tới lợi ích của đối tượng hưởng lợi trên thực tế; so sánh lợi ích được hưởng lợi của các nhóm hưởng lợi khác nhau; kiểm chứng và đưa ra các lựa chọn thay thế.

Phương pháp thống kê kinh tế, luận án vận dụng để thu thập, tổng hợp số liệu thông qua đó định lượng hóa số liệu làm cơ sở để phân tích, đánh giá, luận giải về hiệu quả của thực trạng chính sách an sinh xã hội. Đồng thời, vận dụng trong việc vẽ các biểu đồ, bảng biểu, đồ thị để đánh giá hiệu quả chính sách an sinh xã hội.

Phương pháp phỏng vấn sâu: Thu thập thông tin định tính bằng phương pháp vấn sâu với bảng hỏi bán cấu trúc, trao đổi ý kiến với đối tượng là cán bộ quản lý nhà nước về chính sách an sinh xã hội, các nhà hoạch định chính sách, các lãnh đạo, quản lý, nhân viên công tác xã hội,... các chuyên gia nghiên cứu phúc lợi xã hội, an sinh xã hội,... Luận án chủ yếu sử dụng kết quả phỏng vấn này để giải thích những vấn đề mang tính cốt lõi, tìm ra những giải pháp phù hợp trong hoạch định, xây dựng chính sách và thực thi chính sách an sinh xã hội. Đề tài đã thực hiện phỏng vấn sâu 20 trường hợp, xử lý kết quả phỏng vấn định tính bằng trích dẫn, để luận chứng.

Phương pháp mô hình hóa: luận án vận dụng để mô tả trong việc đánh giá, phân tích, luận giải kết quả áp dụng các chính sách an sinh xã hội vào đời sống, mô hình hóa bằng những bảng biểu, sơ đồ, đồ thị,... để định lượng hóa trong việc minh chứng các nội dung nghiên cứu.

Phương pháp quan sát: Trên cơ sở thực địa tại một số cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội, cụ thể như các cơ sở bảo trợ xã hội ở Thành phố để khảo sát, các dự án xóa đói giảm nghèo ở một số xã, phường, một số dự án thích ứng về nhà ở, việc làm, nước sạch đối với đối tượng thụ hưởng chính sách, thông qua đó tác giả sẽ thực hiện các quan sát để nâng cao tính chân thực và làm phong phú hơn các kết quả phân tích từ các dữ liệu thu thập.

Phương pháp xử lý số liệu: Luận án sử dụng phần mềm thông dụng Microsoft Word, Excel để thiết lập bảng biểu và vẽ biểu đồ minh họa kết quả nghiên cứu.

5.3. Nguồn số liệu và thông tin nghiên cứu

- *Nguồn thông tin thứ cấp:* Đề tài sử dụng nguồn số liệu thứ cấp từ các niên giám thống kê của Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm và các báo cáo tổng hợp của các sở, ban, ngành, địa phương có liên quan đến chính sách an sinh xã hội. Các tài liệu sách báo và công trình nghiên cứu có liên quan xuất bản trong và ngoài nước.

- *Nguồn thông tin sơ cấp*: Quá trình nghiên cứu đề tài đã triển khai thu thập thông tin sơ cấp từ việc nghiên cứu thực tế qua các cuộc khảo sát bằng phương pháp thu thập thông tin qua bảng điều tra; qua các cuộc phỏng vấn và thảo luận bàn tròn với chuyên gia và với các nhà quản lý công trong lĩnh vực liên quan.

6. Điểm mới khoa học của luận án

Đề tài được thực hiện đã đạt một số kết quả như sau:

Thứ nhất, thông qua việc khảo sát, tổng hợp các công trình nghiên cứu trong nước và ngoài nước về an sinh xã hội liên quan trực tiếp đến đề tài luận án. Trên cơ sở đó, luận án nhận diện được những khoảng trống cần nghiên cứu, từ đó xây dựng cơ sở lý thuyết, hướng tiếp cận, nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội, trong đó mở rộng và làm rõ hàm ý của lý thuyết về an sinh xã hội, chính sách an sinh xã hội.

Thứ hai, trên cơ sở nguồn tài liệu thứ cấp và sơ cấp luận án đã phân tích, đánh giá, luận giải thực trạng về thực thi 4 trụ cột của chính sách an sinh xã hội, gồm: chính sách về việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu, xóa đói, giảm nghèo; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; trợ giúp xã hội; dịch vụ xã hội cơ bản.

Thứ ba, trên cơ sở nhận diện những nguyên nhân bất cập, hạn chế từ hoạt động thực thi chính sách an sinh xã hội trong việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở Thành phố, luận án đã đề xuất, gợi mở được một số giải pháp để nâng cao hiệu lực, hiệu quả chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh hướng đến những giá trị tiến bộ, công bằng, văn minh, hiện đại, nghĩa tình đồng thời thích ứng với xu thế hội nhập quốc tế, ứng dụng khoa học công nghệ 4.0, chuyển đổi số trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

7. Kết cấu của luận án

Chương 1, Tổng quan tình hình nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh;

Chương 2, Cơ sở lý luận và thực tiễn về chính sách an sinh xã hội;

Chương 3, Thực trạng về chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh;

Chương 4, Định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả đối với chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VỀ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1.1. Các công trình nghiên cứu về an sinh xã hội liên quan đến đề tài

1.1.1. Các công trình nghiên cứu trên thế giới

Căn cứ mục đích nghiên cứu và kết quả khảo sát các nguồn tài liệu và tư liệu cho thấy, đề tài luận án tiếp cận, nghiên cứu và tổng quan các công trình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án với 2 nội dung, thứ nhất những nội dung có tính kế thừa trong việc tiếp cận, nghiên cứu nhằm xây dựng khung lý thuyết về thực thi chính sách ASXH; thứ hai những nội dung có tính kế thừa trong nghiên cứu, tham chiếu trong việc phân tích, luận giải về thực trạng thực thi chính sách ASXH. Guhan, S. (1994), “Social security options for developing countries” (Những lựa chọn an sinh xã hội cho các nước đang phát triển); Berkowitz, Edward D (1995) “*Mr. Social Security: The Life of Wilbur Cohen*”, University Press of Kansas; Norton, A, Conway, T, Foster, M. (2001), “*Social protection concepts and approaches: Implications for policy and practice in international development*”; Sabates-Wheeler R, Haddad, L. (2005), “Reconciling different concepts of risk and vulnerability: A review of donor documents”; Devereux and R. Sabates-Wheeler (2007; International Labour Conference ILO (2011) “*Social security for social justice and a fair globalization*”, International Labour Office Geneva; The World Bank (2019), “A Vision for the 2030 Social Protection System in Vietnam”,

Như vậy, trên cơ sở tham khảo, nghiên cứu, phân tích kết quả nghiên cứu nhóm công trình này, giúp luận án kế thừa có chọn lọc những vấn đề mang tính lý luận về ASXH trong việc xây dựng khái niệm ASXH, vai trò, nội dung hoạt động của hệ thống ASXH tại chương hai.

1.1.2. Các công trình nghiên cứu trong nước

Mạc Văn Tiến (2005), *“An sinh xã hội và phát triển nguồn nhân lực”*, NXB Lao động - Xã hội, Hà Nội. Cuốn sách tập hợp trên 100 bài viết nghiên cứu của nhiều tác giả trong và ngoài nước. Mạc Tiến Anh (2004), *“Bàn thêm về thuật ngữ ASXH”*, *đăng trên tạp chí Bảo hiểm xã hội*, số 01; Mạc Tiến Anh (2005), *“Khái luận chung về ASXH, Bảo hiểm xã hội”*, số 01; Mạc Tiến Anh (2005), *“Bản chất tất yếu khách quan của ASXH”*. *Bảo hiểm xã hội*, số 02.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2011), *Chiến lược ASXH giai đoạn 2011 – 2020*. Đây là một trong những công trình được đánh giá có giá trị khoa học và ứng dụng trong việc xây dựng chính sách ASXH. Viện Khoa học Lao động và xã hội (2011), *“VietNam Social protection glossary”*, Lê Bạch Dương (cb) (2005), (2013), *“BTXH những nhóm thiệt thòi ở Việt Nam”* cũng đã tiếp cận và kế thừa khung khái niệm ASXH của Guhan; hay như công trình nghiên cứu của Nguyễn Thị Hồng Duyên (2019) *“Quản lý nhà nước đối với cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”* cũng đề cập đến khái niệm của Guhan về bảo trợ xã hội; The World Bank (2019), *“A Vision for the 2030 Social Protection System in Vietnam”*; Trần Văn Huân, Bùi Nghĩa (cb) (2021), *“Chính sách an sinh xã hội Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”*, Nxb. Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh; Học viện Hành chính Quốc gia (2022), *“Chính sách an sinh xã hội cho nhóm yếu thế giai đoạn hậu Covid -19”*- Kỷ yếu Hội thảo khoa học.

Như vậy, tùy vào mục đích nghiên cứu, cũng như bình diện tiếp cận khác nhau để luận giải về mô hình an sinh xã hội, mỗi công trình có hàm lượng khoa học nhất và giá trị đóng góp về mặt lý luận cũng như thực tiễn để sử dụng tham khảo trong nghiên cứu. Qua đó, nghiên cứu sinh đúc kết và kế thừa có chọn lọc trong việc nghiên cứu, phân tích và luận chứng khung lý thuyết về an sinh xã hội. Từ đó, tham chiếu với việc xây dựng khung lý thuyết về chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam trong nghiên cứu trường hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Những giá trị khoa học kế thừa có chọn lọc từ kết quả nghiên cứu của nhóm công trình sẽ được tác giả luận án kế thừa và dẫn luận ở chương 2 của luận án.

1.2. Các công trình nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội

1.2.1. Các công trình nghiên cứu trên thế giới

1.2.1.1. Các công trình nghiên cứu về thực thi chính sách an sinh xã hội đối với việc làm, thị trường lao động, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo

- **Thực thi chính sách về việc làm, thị trường lao động**, gồm có các công trình, như: Bonilla García and J.V. Gruat (2003), *“Social protection: a life cycle continuum investment for social justice, poverty reduction and development”*, Nước Mỹ năm 2013, nhóm tác giả gồm John Carter, Michel Bédard và Céline Peyron Bista thuộc dự án nghiên cứu của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về “Thúc đẩy và xây dựng bảo hiểm thất nghiệp và dịch vụ việc làm trong khu vực ASEAN”, được tài trợ bởi Chính phủ Nhật Bản đã hoàn thành báo cáo *“Comparative review of unemployment and employment insurance experiences in Asia and worldwide”* (tạm dịch là *Xem xét so sánh tỷ lệ thất nghiệp và kinh nghiệm về bảo hiểm việc làm ở các nước châu Á và toàn thế giới*), Tatsiramos và Jan C. van Ours (2014) *“Labor Market Effects of Unemployment Insurance Design”* (Những ảnh hưởng của thị trường lao động đến thiết kế chính sách bảo hiểm thất nghiệp), ulie M. Whittaker và Katelin P. Isaacs (2015) *“Unemployment Insurance: Programs and Benefits”* (BHTN: Các chương trình và lợi ích) được tổ chức Congressional Research Service chuẩn bị cho các thành viên Quốc hội và các ủy ban của Quốc hội Hoa Kỳ do hai tác giả Julie M. Whittaker và Katelin P. Isaacs thực hiện, xuất bản ngày 9 tháng 12 năm 2015 đã mô tả chi tiết hai chương trình trợ cấp xã hội (TCTN) ở Hoa Kỳ là UC và EB.

- **Thực thi chính sách an sinh xã hội về hỗ trợ thu nhập và giảm nghèo**, Margaret Gosh, Carlo del Ninno, Emil Tesliuc (2009) *“Bảo trợ và thúc đẩy xã hội: Thiết kế và triển khai*

các mạng lưới an sinh hiệu quả”, ILO (2014), “*World Social Protection Report 2014/15 Building economic recovery, inclusive development and social justice*” (BTXH xây dựng phục hồi kinh tế, phát triển toàn diện và công bằng xã hội).

1.2.1.2. *Các công trình nghiên cứu chính sách an sinh xã hội đối với bảo hiểm xã hội*, Epstein, Abraham (1936) “*Insecurity: A Challenge to America*,” *Third Revised Edition, Harrison Smith and Robert Haas*”. ILO (2012) “Social Insurance - Enhancing social security right for everyone” International Labour Organization, Vol. 3 – 2014. Hoang Viet Tran, Nguyen Anh Phong (2014) “Assessment the Social Insurance in Vietnam” *Case Studies Journal ISSN (2305-509X) – Volume 3, Issue 10, 2014*. OECD (2018) Increasing social insurance coverage in Viet Nam’s SMEs

1.2.1.3. *Các công trình nghiên cứu chính sách an sinh xã hội đối với trợ giúp xã hội cho các nhóm đặc thù*, Margaret Gosh, Carlo del Ninno, Emil Tesliuc (2009) “*Bảo trợ và thúc đẩy xã hội: Thiết kế và triển khai các mạng lưới an sinh hiệu quả*”. Margaret Gosh, Carlo del Ninno, Emil Tesliuc (2009), “Bảo trợ và thúc đẩy xã hội: Thiết kế và triển khai các mạng lưới an sinh hiệu quả”. Cook, S. and Kabeer, N (2009), “Socio-economic Security over the Life Course: A Global Review of Social Protection” (An ninh kinh tế - xã hội trong đời sống: một đánh giá toàn cầu về BTXH). Cook, S. and Kabeer, N (2009), “Socio-economic Security over the Life Course: A Global Review of Social Protection” (An ninh kinh tế - xã hội trong đời sống: một đánh giá toàn cầu về BTXH). Paolo Brunori, Marie O’Reilly (2010), “Social protection for development: A review of definitions” (Bảo trợ xã hội cho phát triển: Đánh giá về các định nghĩa).

1.2.2.1. *Các công trình nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội về việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo*

- ***Thực thi chính sách an sinh xã hội về lao động, việc làm đảm bảo thu nhập tối thiểu***, tác giả Quang Lễ đăng trên Tạp chí Lao động và Xã hội số 479 (từ 16-31/5/2014), Mukul G. Asher Sothea Oum Friska Parulian (2010), *Social Protection In East Asia - Current State And Challenges*” (BTXH tại khu vực Đông Á – Nhà nước hiện tại và những thách thức). Hoàng Chí Bảo (cb) (2010), “*Lý luận và giải pháp phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới*”, Lê Bạch Dương, Khuất Thu Hồng (cb) (2008), “*Di dân và BTXH*”. Lê Quốc Lý (cb) (2012), “*Chính sách xóa đói giảm nghèo thực trạng và giải pháp*”.

Thứ hai, trợ giúp xã hội cho các nhóm đặc thù, Martin Evans¹ and Susan Harkness (2008) “*Social Protection in Vietnam and Obstacles to Progressivity*” (Bảo trợ xã hội ở Việt Nam và những trở ngại cho sự tiến bộ). Dự án nghiên cứu (2011), “*Đóng góp từ thiện tại Việt Nam*” được tiến hành bởi Trung tâm Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương, Hà Nội. Đinh Xuân Lý (cb) (2010), “*Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới*”, Nguyễn Văn Mạnh (cb) (2011), “*Vai trò của nhà nước đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam*”.

1.2.2.2. *Trợ giúp xã hội cho các nhóm đặc thù*, Martin Evans¹ and Susan Harkness (2008) “*Social Protection in Vietnam and Obstacles to Progressivity*” (Bảo trợ xã hội ở Việt Nam và những trở ngại cho sự tiến bộ). Đây là một báo cáo đánh giá về BTXH ở Việt Nam thông qua quá trình chọn mẫu khảo sát và đánh giá các chính sách BTXH tại Việt Nam. Dự án nghiên cứu (2011), “*Đóng góp từ thiện tại Việt Nam*” được tiến hành bởi Trung tâm Nghiên cứu Châu Á-Thái Bình Dương, Hà Nội, Đinh Xuân Lý (cb) (2010), “*Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới*”. Nguyễn Văn Mạnh (cb) (2011), “*Vai trò của nhà nước đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới ở Việt Nam*”.

1.3. Các công trình nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

Phan Xuân Biên (cb) (2012), “*Thành phố Hồ Chí Minh 35 năm xây dựng và phát triển*”, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Văn Xê, Lê Thanh Sang (cb) (2016) “*Giảm nghèo đa chiều ở Thành phố Hồ Chí Minh vấn đề và triển vọng*”, Nxb Khoa học xã hội. Ngô Phương Lan (2017) “*Sinh kế của*

cư dân huyện cần giờ Thành phố Hồ Chí Minh”, Nxb Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (2018), “*Solutions and models for elderly care in Ho Chi Minh city*”, (Giải pháp và mô hình chăm sóc người cao tuổi tại Thành phố Hồ Chí Minh). Kỷ yếu hội thảo quốc tế do Viện nghiên cứu Phát triển thành phố và tổ chức Asca của Nhật Bản phối hợp tổ chức tại TP Hồ Chí Minh. Cuốn kỷ yếu này đã tập hợp các bài viết của nhiều nhà khoa học và quản lý trong và ngoài nước (Lê Văn Thành, Trần Văn Thiện, Lê Thị Mỹ Hà, ShuJi YaMaDa – KaShiWaGi ASaMi,...), Mai Thị Quế (2019) “*Chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*”, Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Hồng Duyên (2019) “*Quản lý nhà nước đối với cơ sở bảo trợ xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*”, Luận án tiến sĩ, chuyên ngành Quản lý công, Học viện Hành Chính Quốc gia, NEU-JICA (2020) “*Kiến nghị, đánh giá các chính sách ứng phó với covid-19 và các khuyến nghị*”, Báo cáo của Neu-Jica, Hà nội -2020.

Như vậy, các phân tích tổng quan cho thấy chính sách an sinh xã hội đã được nhiều học giả tiếp cận nghiên cứu từ những bình diện khác nhau cả trên phương diện lý thuyết lẫn thực tiễn, theo đó các kết quả khá đa dạng và phong phú. Lý thuyết và mô hình hoạt động hệ thống chính sách an sinh xã hội được nghiên cứu trong điều kiện bối cảnh chính trị - kinh tế - văn hóa xã hội khác nhau. Về bản chất, nội dung hoạt động của các hợp phần trong cấu trúc hệ thống chính sách an sinh xã hội đều hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của con người. Tuy nhiên, cách thức xây dựng mô hình hoạt động lại khác nhau, và phụ thuộc vào thể chế, chính sách của từng quốc gia trong mỗi giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội nhất định.

1.4. Những vấn đề luận án cần tập trung nghiên cứu

1.4.1. Những vấn đề luận án kế thừa từ kết quả của các công trình nghiên cứu

Thứ nhất, Thành phố Hồ Chí Minh là được đánh giá là lãnh thổ đầu tàu, là trung tâm kinh tế của cả nước và khu vực, vì vậy đề xuất những chính sách xã hội, hay chính sách ASXH tối ưu hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần là một trong những nhiệm vụ trọng tâm góp phần thực hiện thành công mục tiêu phát triển bền vững của thành phố.

Thứ hai, hiện nay, lý thuyết đề tiếp cận và phân chia cấu trúc mô hình an sinh xã hội và chính sách an sinh xã hội vẫn có nhiều hướng tiếp cận khác nhau, chưa có sự thống nhất trong việc xác định khung, miền, sản và lưới đỡ của hệ thống an sinh xã hội.

Thứ ba, Hiện nay, số lượng công trình nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh được tiếp cận một cách tổng thể trên tất cả các hợp phần cấu thành hệ thống chính sách ASXH vẫn còn khan hiếm, nhất là tiếp cận dưới bình diện Kinh tế - Chính trị.

1.4.2. Những khoảng trống về nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, nghiên cứu làm rõ các cơ sở lý luận về an sinh xã hội đặc biệt là hệ thống chính sách an sinh xã hội

Thứ hai, nghiên cứu, phân tích, luận giải một cách tổng thể thực trạng về chính sách an sinh xã hội từ đó đánh giá những ưu điểm, hạn chế của chính sách, chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến bất cập hạn chế. Đồng thời, luận giải và phân tích những yếu tố tác động đến hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ ba, Trên cơ sở quan điểm, chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước và chính quyền Thành phố, tiếp tục nghiên cứu về xu thế biến đổi và phân tầng xã hội, sự tác động của quá trình hội nhập và ứng dụng khoa học công nghệ 4.0 tác động đến những biến đổi và phân tầng xã hội, tác động trực tiếp đến việc gia tăng đối tượng thụ hưởng chính sách ASXH ở Thành phố.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ KHOA HỌC VỀ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI

2.1. Lý luận cơ bản về chính sách an sinh xã hội

2.1.1. Những khái niệm cơ bản về chính sách an sinh xã hội

2.1.1.1. Khái niệm chính sách

Trên cơ sở luận giải ngữ nghĩa của Từ điển Tiếng Việt, một số học giả ở Việt Nam tiếp cận và đưa ra một số quan điểm về chính sách khác nhau, trong đó tiêu biểu như tác giả Nguyễn Minh Thuyết đã quan điểm *Chính sách là đường lối cụ thể của một chính đảng hoặc một chủ thể quyền lực về một lĩnh vực nhất định cùng các biện pháp, kế hoạch thực hiện đường lối ấy. Cấu trúc của chính sách bao gồm: đường lối cụ thể (nhằm thực hiện đường lối chung), biện pháp, kế hoạch thực hiện. Chủ thể ban hành chính sách là: chính đảng, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị, công ty.*

2.1.1.2. Khái niệm về chính sách công

Trên cơ sở những quan điểm khác nhau về chính sách công, đề tài luận án quan điểm về chính sách công như sau: *Chính sách công là tập hợp các quyết định có liên quan lẫn nhau của một nhà nước, được sử dụng làm công cụ để lựa chọn các mục tiêu và giải pháp tác động vào môi trường thực thi chính sách nhằm huy động các đối tác tham gia thực thi hiệu quả chính sách đạt đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của chủ thể quản lý nhà nước.*

2.1.1.3. Chính sách xã hội

Ở Việt Nam đã có nhiều công trình nghiên cứu và đề xuất khái niệm chính sách xã hội, trong đó tại Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI khẳng định: *Chính sách xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng, là mục tiêu, là động lực để phát triển nhanh và bền vững trong mọi giai đoạn phát triển. Chính sách xã hội phải được đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và thực hiện đồng bộ với phát triển kinh tế, phù hợp với trình độ phát triển và khả năng nguồn lực trong từng thời kỳ...*

2.1.1.4. Khái niệm về an sinh xã hội

Các quan niệm về an sinh xã hội trên thế giới, Guhan, S. (1994), “Social security options for developing countries” (Lựa chọn an sinh xã hội cho các nước đang phát triển) theo đó tác giả quan điểm về an sinh xã hội như sau: *“An sinh xã hội được hiểu là toàn bộ những chương trình (của cả khu vực công và tư) bù đắp thu nhập hoặc tiêu dùng đến người nghèo, với mong muốn bảo vệ đối tượng dễ bị tổn thương trước những rủi ro của cuộc sống; cải thiện tình trạng xã hội và quyền của người yếu thế; mà mục đích tổng quát là giảm thiểu ảnh hưởng của kinh tế và xã hội đến những nhóm người yếu thế và dễ bị tổn thương trong xã hội, Sabates - Wheeler và Devereux, trong công trình nghiên cứu “An sinh xã hội giai đoạn chuyển đổi” (Transformative social protection) tác giả đưa ra khái niệm an sinh xã hội “là hàng loạt chương trình, cả chính thức và phi chính thức nhằm cung cấp: (1) các hỗ trợ xã hội cho những cá nhân và hộ gia đình nghèo cùng cực; (2) dịch vụ xã hội cho những nhóm người cần sự chăm sóc đặc biệt hoặc những người không có khả năng thụ hưởng các dịch vụ cơ bản; (3) bảo hiểm xã hội để bảo vệ người dân khỏi những rủi ro và hậu quả của các biến động trong cuộc sống; sự công bằng xã hội để bảo vệ người dân khỏi những rủi ro xã hội như phân biệt hoặc lạm dụng”. . .*

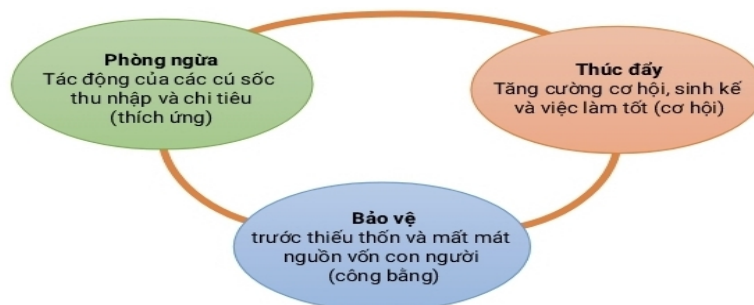
Khái niệm về an sinh xã hội ở Việt Nam, trên cơ sở khảo sát các nguồn tư liệu có thể nhận thấy có nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm ASXH, tuy nhiên căn cứ vào hướng tiếp cận và mục tích nghiên cứu đề có những quan điểm về ASXH theo nghĩa rộng hay hẹp. Đề tài luận án được tiếp cận dưới bình diện Khoa học Kinh tế - Chính trị về chính sách ASXH sẽ kế thừa các quan điểm của các tác giả đã nghiên cứu trước đó, trong đó kế thừa có chọn lọc quan điểm của ưu tiên sử dụng khái niệm an sinh xã hội của Tổ chức Lao động quốc tế và của Ngân hàng Thế giới, các quan điểm dưới bình diện quản lý công và quyền con người, từ đó đề xuất khái niệm an sinh xã hội như sau:

An sinh xã hội là hệ thống các chính sách, biện pháp của chủ thể quản lý nhà nước và xã hội xã hội cung cấp cho các thành viên của mình nhằm phòng ngừa những bất trắc, bất thường, bất ổn định trong cuộc sống và là chuỗi các chính sách, biện pháp kích thích các thành viên trong xã hội phục hồi các chức năng về thể chất, khắc phục, phát triển kinh tế hòa nhập cộng đồng hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của mọi bộ phận người dân trong xã hội. Tóm lại: Hướng dẫn tiếp cận khái niệm của luận án hướng đến các chức năng cơ bản của chính sách an sinh xã hội như sơ đồ 2.2.

2.1.1.5. Khái niệm chính sách an sinh xã hội

Có thể hiểu chính sách ASXH là một công cụ quản lý được nhà nước sử dụng như một chính sách quản lý để điều tiết và thực hiện chức năng xã hội của mình. Đây là những biện pháp bảo vệ của nhà nước nhằm phòng ngừa, hạn chế, khắc phục rủi ro cho các thành viên của mình khi họ mất hoặc giảm thu nhập do các nguyên nhân ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, già cả không còn sức lao động hoặc vì các nguyên nhân khác thông qua các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, ưu đãi xã hội, trợ giúp xã hội.

Sơ đồ 2.2. chức năng của Hệ thống an sinh xã hội - mô hình 3P



[Nguồn: Tầm nhìn Hệ thống an sinh xã hội Việt Nam đến năm 2030]

2.1.1.6. Khái niệm thực thi chính sách an sinh xã hội

Là chuỗi của các quá trình tổ chức, thực thi chính sách an sinh xã hội thông qua việc ban hành các văn bản, kế hoạch, chương trình để áp dụng các chính sách an sinh xã hội vào thực tiễn đời sống, đồng thời hiện thực hóa định hướng quản lý và phát triển xã hội của chủ thể quản lý nhà nước, đạt đến các mục tiêu công bằng xã hội, đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

2.2. Bản chất và chức năng, cấu trúc của chính sách an sinh xã hội

Xét về bản chất, An sinh xã hội¹ (ASXH), đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc thực thi chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, bởi an sinh xã hội được xác định vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển bền vững, góp phần gìn giữ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xét về chức năng 03 chức năng cơ bản: gồm những chính sách, chương trình phòng

¹ .

ngừa rủi ro; Những chính sách, chương trình bảo vệ (giảm thiểu) rủi ro; Những chính sách, chương trình thúc đẩy (khắc phục) rủi ro.

2.3. Nội dung của chính sách an sinh xã hội

2.3.1. Chính sách việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo

2.3.1.1. Chính sách việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu

Chính sách việc làm là một trong 4 trụ cột trong Chiến lược an sinh xã hội 2011-2020.

2.3.1.2. Chính sách xóa đói giảm nghèo

Chính sách xóa đói giảm nghèo là một trong những trụ cột cơ bản của hệ thống chính sách ASXH Việt Nam hiện nay, sử mệnh lịch sử của chính sách xóa đói giảm nghèo là hướng đến phát triển kinh tế cá nhân, hộ gia đình hỗ trợ, giúp các đối tượng bảo trợ xã hội và nhóm xã hội dễ bị tổn thương đảm bảo cuộc sống, hòa nhập cộng đồng hướng đến phát triển bền vững kinh tế.

2.3.2. Chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế

2.3.2.1. Chính sách bảo hiểm xã hội

Chính sách bảo hiểm xã hội là một trong những chính sách quan trọng trong hệ thống chính sách an sinh xã hội. Bảo hiểm xã hội bao gồm: (i) bảo hiểm y tế, (ii) bảo hiểm xã hội tự nguyện, (iii) bảo hiểm xã hội bắt buộc, (iv) bảo hiểm thất nghiệp.

2.3.2.2. Chính sách bảo hiểm y tế

Là loại hình bảo hiểm xã hội nhằm chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho người tham gia theo quy định của pháp luật, không vì mục tiêu lợi nhuận.

2.3.3. Chính sách trợ giúp xã hội

2.3.3.1. Trợ giúp thường xuyên

Trợ giúp xã hội thường xuyên là hình thức trợ giúp xã hội bằng tiền hoặc bằng hiện vật mà nhà nước định ra để trợ cấp đối với những người hoàn toàn không thể tự lo được cuộc sống trong một thời gian dài (một hoặc nhiều năm) hoặc trong suốt cả cuộc đời của đối tượng được trợ giúp.

2.3.3.2. Trợ giúp đột xuất

Là hình thức trợ giúp xã hội do nhà nước và cộng đồng giúp đỡ những người không may bị thiên tai, mất mùa hoặc những biến cố khác mà đời sống của họ bị đe dọa về lương thực, nhà ở, chữa bệnh, chôn cất và phục hồi sản xuất nếu không có sự giúp đỡ khẩn cấp.

2.3.4. Các dịch vụ xã hội cơ bản

Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản được xem là một trong những trụ cột an sinh xã hội nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận hệ thống các dịch vụ xã hội cơ bản ở mức tối thiểu bao gồm: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin truyền thông, trợ giúp pháp lý.

2.4. Vai trò của chính sách an sinh xã hội trong bối cảnh hiện nay

Thứ nhất, Chính sách an sinh xã hội được tiến hành thực thi có hiệu lực sẽ từng bước hiện thực hóa quan điểm của Đảng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội của nhà nước vào đời sống chính sách ASXH; Thứ hai, khẳng định tính hiệu lực, hiệu quả của chính sách xã hội; Thứ ba, thông qua hoạt động thực thi thực thi chính sách ASXH giúp cho chính sách ASXH ngày càng hoàn thiện hơn trong việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

2.5. Tiêu chí đánh giá

2.5.1. Tính hiệu lực

2.5.2. Tính hiệu quả

2.5.3. Tính khả thi

2.5.4. Tính kinh tế

2.5.5. Tính công bằng

Chính sách của Nhà nước nếu đảm bảo sự công bằng sẽ nhận được sự ủng hộ, đồng thuận cao, tạo động lực cho xã hội phát triển. Tính công bằng vì thế là một trong những tiêu chuẩn bắt buộc khi xem xét khả năng tồn tại và giá trị của một chính sách công.

2.5.6. Tính bền vững

Tiêu chí đánh giá tính bền vững của chính sách ASXH biểu hiện ở việc chính sách có tính ổn định, định hướng chiến lược mang tính tổng thể dài lâu đồng thời có tính cam kết trong quá trình thực thi và đánh giá chính sách.

2.5.7. Sự phù hợp của chính sách

2.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến thực thi chính sách an sinh xã hội

2.6.1. Yếu tố thuộc về điều kiện tự nhiên kinh tế, xã hội

Môi trường kinh tế, xã hội tác động rất lớn đến việc xây dựng và tổ chức thực thi chính sách ASXH đối với mỗi quốc gia, đặc biệt là các chính sách ASXH đối với nhóm yếu thế trong xã hội và chính sách đảm bảo an ninh về việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

2.6.2. Yếu tố thể chế

Thể chế có vai trò đặc biệt trong đời sống kinh tế - xã hội (KT-XH). Nó phản ánh bản chất, chức năng của Nhà nước đương quyền; đồng thời tác động trực tiếp hay gián tiếp đến mọi hoạt động xã hội.

2.6.3. Yếu tố thuộc về tổ chức bộ máy

Yếu tố này có vai trò quyết định trong việc tổ chức các chính sách ASXH. Cho dù chính sách có tốt đến mấy đi chăng nữa nhưng tổ chức thực hiện không tốt thì chính sách sẽ không đi vào cuộc sống.

2.6.4. Các yếu tố thuộc về năng lực đội ngũ cán bộ xây dựng ban hành và tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội

Thứ nhất, đối với cấp độ các cơ quan hoạch định chính sách: Một chính sách ra đời trước hết phụ thuộc và khả năng, tầm nhìn của các cơ quan có thẩm quyền hoạch định chính sách.

Thứ hai, đối với cấp độ cá nhân tham gia xây dựng, ban hành và thực thi chính sách: Năng lực thực thi chính sách ASXH là thước đo bao gồm nhiều tiêu chí khác nhau phản ánh về đạo đức công vụ, về năng lực thiết kế tổ chức, năng lực thực tế, năng lực phân tích, dự báo để có thể chủ động ứng phó được với những tình huống phát sinh trong tương lai, ...

2.6.5. Tham gia xây dựng và phản biện chính sách an sinh xã hội của người dân và xã hội

Người dân là đối tượng trực tiếp được hưởng thụ chính sách an sinh xã hội, qua quá trình thực hiện chính sách an sinh xã hội họ sẽ phát hiện ra những bất cập, hạn chế của chính sách, từ đó kiến nghị các giải pháp với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh, bãi bỏ hoặc ban hành chính sách mới phù hợp với thực tiễn nhằm đảm bảo an toàn đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân và các nhóm trực tiếp thụ hưởng và chịu tác động trực tiếp chính sách an sinh xã hội.

2.6.6. Cơ chế tài chính

Cơ chế tài chính đóng vai trò rất quan trọng trong việc bảo đảm nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

2.7. Bài học kinh nghiệm về chính sách an sinh xã hội của Nhật Bản và một số địa phương khác ở Việt Nam

2.7.1. Kinh nghiệm của Nhật Bản vận dụng trong nghiên cứu

2.7.1.1. Kinh nghiệm xây dựng, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đối với thực thi chính sách an sinh xã hội ở Nhật Bản

2.7.1.2. Kinh nghiệm về thực thi chính sách an sinh xã hội đối với chính sách trợ giúp xã hội cho người khuyết tật, người cao tuổi và phát triển cán sự xã hội tại các cơ sở bảo trợ xã hội

2.7.1.3. Kinh nghiệm về phân bổ và quản lý nguồn tài chính trong thực thi chính sách an sinh xã hội của Nhật Bản

2.7.2. Bài học kinh nghiệm đúc kết từ quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội của Nhật Bản trong nghiên cứu

2.7.2.1. Bài học về phát huy vai trò của chủ thể quản lý nhà nước trong tổ chức thực thi chính sách an sinh xã hội

2.7.2.2. *Bài học từ Nhật Bản về hoàn thiện thể chế quy định về thực thi chính sách an sinh xã hội hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân*

2.7.2.3. *Bài học từ Nhật Bản về bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực thi hiệu quả chính sách an sinh xã hội đối với nhóm xã hội dễ bị tổn thương*

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG VỀ CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Đặc điểm về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế, văn hóa xã hội ảnh hưởng đến chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên

Thành phố Hồ Chí Minh nằm trong tọa độ địa lý khoảng 10°0' – 10° 38 vĩ độ bắc và 106°22' – 106°54' kinh độ đông. Phía Bắc giáp tỉnh Bình Dương, Tây Bắc giáp tỉnh Tây Ninh, Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu, Tây và Tây Nam giáp tỉnh Long An và Tiền Giang. Thành phố Hồ Chí Minh cách thủ đô Hà Nội gần 1.730km đường bộ, nằm ở ngã tư quốc tế giữa các con đường hàng hải từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, là tâm điểm của khu vực Đông Nam Á, Trung tâm thành phố cách bờ biển Đông 50 km theo đường chim bay, với đặc trưng của vị trí địa lý như trên sẽ tác động trực tiếp đến hoạt động quản lý nhà nước đối với cơ sở bảo trợ xã hội ở Thành phố ở các phương diện sau.

Thứ nhất, Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở vị trí tiếp giáp giữa vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng Đông Nam bộ, dù là lợi thế để thành phố phát triển kinh tế - xã hội, nhưng sẽ tạo nên những áp lực trong việc giải quyết các vấn đề xã hội còn tồn tại với nhóm đối tượng BTXH. Với lợi thế, thành phố trở thành đầu mối giao thông nối liền các tỉnh ĐNB và ĐBSCL, tạo nên vị trí trung tâm kinh tế, văn hóa, du lịch, giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật, ... trong vùng và quốc tế; nhưng trong mối tương quan với việc giải quyết các vấn đề ASXH dễ thấy từ vị trí địa lý của hai vùng ĐBSCL và ĐNB đều tiếp giáp với biên giới Campuchia, lại là yếu tố tạo nên những nét đặc thù về đời sống xã hội tác động trực tiếp đến sự gia tăng đối tượng BTXH ở vùng Nam Bộ nói chung và TP.Hồ Chí Minh nói riêng.

Thứ hai, với vị trí là cửa ngõ giao lưu quốc tế, TP.HCM đã tận dụng những lợi thế so sánh từ vị trí địa lý để tăng trưởng, phát triển kinh tế, giao lưu hội nhập văn hóa, tiếp thu tinh hoa về khoa học công nghệ. Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng chịu những áp lực về các vấn đề xã hội đang ngày một phát sinh, như đảm bảo an ninh về việc làm, TGXH, cung ứng các dịch vụ công cơ bản, xói mòn giảm nghèo bền vững,... Là đô thị lớn nhất cả nước, dân số có khoảng 14 triệu dân [205], Thành phố có vai trò, vị trí trung tâm của kinh tế, văn hóa, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, là đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế, là đầu tàu, động lực, có sức hút và sức lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí chính trị quan trọng của cả nước.

Tóm lại, vị trí địa lý của Thành phố là một trong những nhân tố tác động đến quá trình phát triển kinh tế xã hội ở Thành phố trên nhiều phương diện của đời sống xã hội. Do đó, việc thực thi các chính sách an sinh xã hội phù hợp sẽ góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân thành phố.

1.2. Điều kiện về kinh tế - xã hội ảnh hưởng đến chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

Có thể nhận thấy sau gần 50 năm kể từ khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, TP.HCM luôn nỗ lực để đổi mới và phát triển. Quá trình chuyển đổi mô hình quản lý kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xu thế hội nhập quốc tế, và quá trình ứng dụng khoa học công nghệ 4.0, đặc biệt là quá trình chuyển đổi số đã tác động trực tiếp đến mọi phương diện của đời sống kinh tế, xã hội. Theo đó, nền kinh tế của Thành phố không ngừng tăng trưởng, phát triển, thu hút các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài vào đầu tư, hoạt động; các lĩnh vực ngành nghề trên địa bàn cũng tăng lên và đa dạng hóa. Điều này, không chỉ góp phần làm tăng chỉ số thu nhập bình quân đầu người, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân mà còn tác động trực tiếp đến sự đa dạng hóa cung, cầu của thị trường lao động ở Thành phố.

3.1.3. Điều kiện văn hóa - xã hội ảnh hưởng đến chính sách an sinh xã hội trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị lớn cả nước, hiện nay Thành phố có khoảng trên 8,3 triệu dân, là một thành phố trẻ chỉ hơn 300 năm hình thành và phát triển, nhưng được đánh giá là một trong 15 Thành phố có quy mô dân số đông nhất trên thế giới, theo dự báo đến năm 2025 có hơn 10 triệu dân. Tuy nhiên, hiện nay nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế của Thành phố đến năm 2022 là khoảng 14 triệu dân. Cùng với quá trình biến động cơ học về dân số, hàng năm có rất nhiều đối tượng từ mọi miền đất nước đến đây mưu sinh, lập nghiệp. Xét về mặt nhân khẩu học, thì dân số là cơ sở tự nhiên hình thành nên nguồn nhân lực xã hội trong tương lai, chất lượng của dân số quyết định chất lượng nguồn nhân lực xã hội; xét dưới góc độ quản lý công, dân số là nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, sự gia tăng dân số sẽ bổ sung một nguồn lao động lớn, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của thành phố. Căn cứ vào Báo cáo tổng hợp “*Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025*”, dự báo tăng trưởng về dân số theo 3 khu vực của thành phố.

**Bảng 3.1. Dự báo tăng trưởng dân số ở Thành phố Hồ Chí Minh
theo 3 khu vực giai đoạn 2015 - 2025**

Khu vực		Dự báo dân số (1.000)			
		12/2010	12/2015	12/2010	12/2025
Nội Thành	Các quận nội thành (13 quận)	3.920.2	4.074.6	4.252.2	4.399.3
	Các quận nội thành phát triển (6 quận mới)	2.094.8	2.617.3	3.019.4	3.364.4
Ngoại thành (5 huyện)		1.332.4	1.699.1	2.030.1	2.330.2
Toàn thành phố		7.349.5	8.390.9	9.301.7	10.093.8

[Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tổng hợp “*Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội TP. Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025*”]

3.2. Thực trạng về chính sách an sinh xã hội trong việc phát triển kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội, ổn định đời sống vật chất và tinh thần của người dân ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.1. Thực trạng chính sách an sinh xã hội về việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và xóa đói, giảm nghèo

3.2.1.1. Thực trạng chính sách an sinh xã hội về việc làm đáp ứng cung, cầu thị trường lao động ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, Thành phố xây dựng các đề án, chương trình, chính sách đảm bảo việc làm phù hợp với cung, cầu của thị trường lao động, việc làm ở TP.HCM và phù hợp các chính sách vĩ mô của quốc gia về ASXH hướng đến nâng cao năng lực, đảm bảo thu nhập, ổn định đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

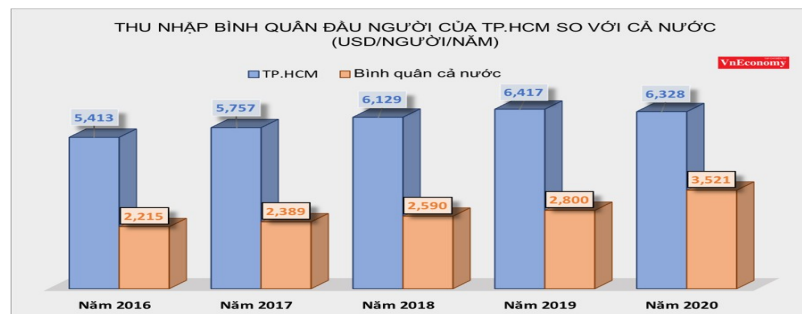
Thứ hai, TP.HCM đã chủ động, linh hoạt trong việc xây dựng các kế hoạch và tổ chức thực thi chính sách về lao động, việc làm nâng cao năng lực của lực lượng lao động nhằm đáp ứng cung, cầu của thị trường lao động, việc làm ở Thành phố và nước ngoài, góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Thứ ba, TP.HCM đã xây dựng các chính sách và tổ chức thực thi hiệu lực, hiệu quả các chính sách ASXH về việc làm trong nước, đảm bảo việc làm, tăng thu nhập cá nhân, hộ gia đình góp phần đảm bảo an ninh về đời sống vật chất, ổn định mọi mặt của đời sống người dân ở Thành phố.

3.2.1.2. TP.HCM đã tiến hành tổ chức thực thi bền vững chính sách ASXH về đảm bảo thu nhập tối thiểu hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân, góp phần thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững của Thành phố.

Hiện nay, Thành phố là địa phương có thu nhập bình quân đầu người xếp thứ 2 so với cả nước. Từ năm 2016 đến nay thu nhập bình quân đầu người của người lao động ở Thành phố được tăng lên hàng năm, trong đó năm 2016 đạt 5,413 USD/ năm; năm 2017 thu nhập bình quân đầu người của người lao động ở Thành phố đạt 5,757 USD/năm; năm 2018 thu nhập bình quân đầu người của người lao động ở Thành phố đạt 6,129 USD/năm; năm 2019 thu nhập bình quân đầu người của người lao động ở Thành phố đạt 6,417 USD/năm [122]; Năm 2020 do chịu tác động của trận đại dịch Covid -19 nên tỷ lệ thất nghiệp tăng cao, dẫn đến thu nhập bình quân đầu người của người lao động ở Thành phố giảm nhẹ chỉ đạt 6,328 USD/năm, thấp hơn so với năm 2020 [122].

Biểu đồ 3.3: Thu nhập bình quân đầu người ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2016 đến 2020



[Nguồn: Tổng cục Thống kê và Cục Thống kê Tp.HCM]

3.2.1.3. Thành phố Hồ Chí Minh hoạch định, xây dựng, tổ chức thực thi các đề án, chương trình, chính sách an sinh xã hội về xóa đói, giảm nghèo bền vững nhằm điều chỉnh phân phối lợi ích trong các mối quan hệ sản xuất góp phần tăng trưởng, phát triển kinh tế, công bằng, bền vững, ổn định đời sống vật chất và tinh thần của người dân

Thứ nhất, TP. HCM đã linh hoạt, chủ động trong việc hoạch định, xây dựng, ban hành nhiều văn bản pháp luật để tổ chức, thực thi chính sách ASXH về xóa đói giảm nghèo phù hợp với những lợi thế so sánh về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của Thành phố và chính sách vĩ mô về xóa đói, giảm nghèo bền vững của Quốc gia.

Sơ đồ 2.7: Nội dung chủ yếu của chương trình xóa đói giảm nghèo giai đoạn 2016 đến 2020

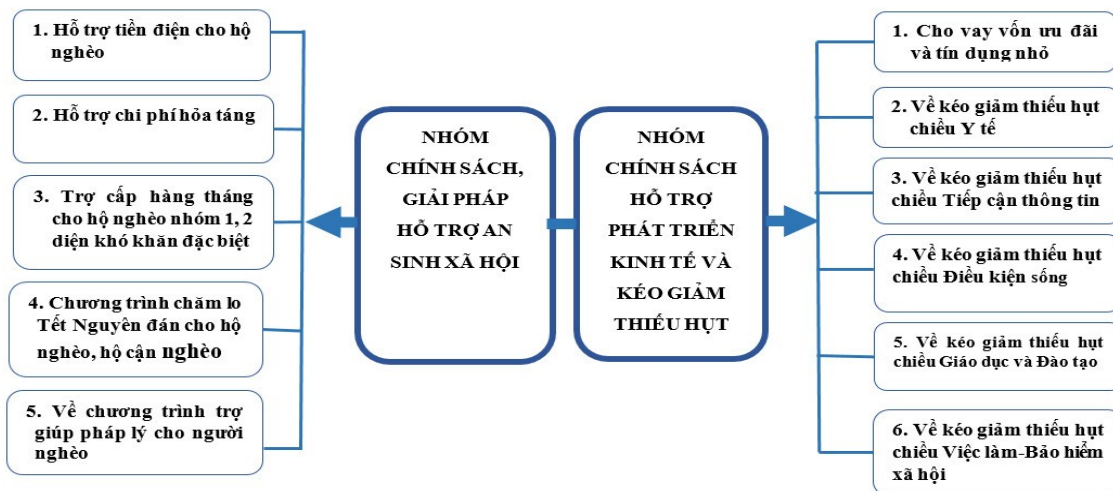


[Nguồn: Kết quả 06 năm thực hiện nghị quyết về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020, <https://quochoi.vn/>]

Thứ hai, TP.HCM là một trong những địa phương được Đảng và nhà nước giao trọng trách “nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của kinh tế Thành phố, gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; nâng cao phúc lợi xã hội và chất lượng cuộc sống của nhân dân, xây dựng TP.HCM có chất lượng cuộc sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình”

Thứ ba, TP.HCM đã đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, linh hoạt trong phối hợp với các sở, ban, ngành để thực hiện khả thi chính sách ASXH về xóa đói, giảm nghèo bền vững của Thành phố.

Sơ đồ 2.9: Các nội dung cơ bản của chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn từ năm 2025

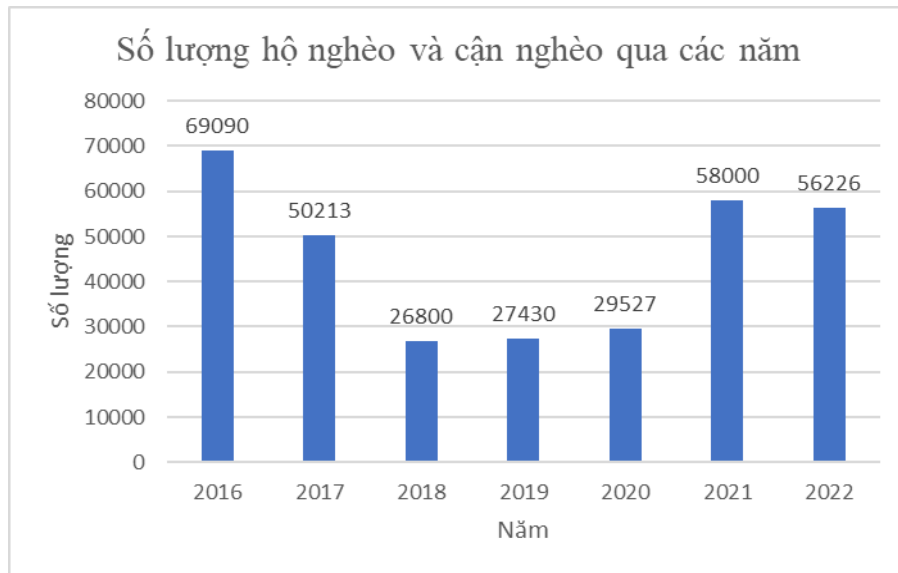


[Nguồn: Tác giả tổng hợp từ các Chương trình giảm nghèo ở TP.HCM giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2022]

Thứ tư, Thành phố đầu tư nguồn lực tài chính và thực thi chính sách xã hội hóa để thu hút nguồn lực của khu vực ngoài nhà nước, cùng tham gia, đồng hành chia sẻ trách nhiệm cộng đồng trong thực thi chính sách ASXH về xóa đói giảm nghèo hướng đến phát triển kinh tế bền vững cho đối tượng BTXH.

Thứ năm, TP.HCM đã tổ chức thực thi hiệu quả chính sách ASXH về các chỉ số giảm nghèo đa chiều, đạt tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo 0%,

Biểu đồ 3.4: Số lượng hộ nghèo và cận nghèo ở TP.HCM qua các năm



[Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo của UBND TP.HCM về kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo ở Thành phố]

Số liệu về kết quả giảm nghèo bền vững, cho thấy Thành phố là một trong những địa phương thực hiện xóa đói, giảm nghèo thành công, tỷ lệ hộ nghèo từ năm 2016 đến năm 2019 giảm liên tục, tuy nhiên lại tăng lên từ năm 2021 đến năm 2022 do chịu tác động bởi dịch Covid -19. Điều này, chỉ ra rằng các chính sách ASXH ở TP.HCM tỏ ra có hiệu lực, hiệu quả trong điều kiện ít biến đổi, nhưng lại không thích ứng, thiếu năng lực chống đỡ trước bối cảnh bất trắc, bất thường, bất ổn định.

3.2.2. Thực trạng về các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp trong việc nâng cao năng lực dự phòng, chống đỡ và giảm thiểu rủi ro đối với người dân ở Thành phố

3.2.2.1. Thực trạng chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3.4: Số người tham gia BHXH giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
1. Tổng số người tham gia BHXH	2.089	2.240	2.352	2.508	2.442	2.343
<i>Tốc độ tăng (1) (%)</i>	6,2	7,2	5,0	6,6	-1,4	-4,1
2. Số người tham gia BHXHBB	2.082	2.230	2.340	2.484	2.386	2.291
<i>Tỷ trọng (2/1) (%)</i>	99,7	99,6	99,5	99,1	97,7	97,8
3. Số người tham gia BHXHTN	6,99	9,68	5,44	23,56	56,35	51,29

[Nguồn: BHXH TP.HCM (2019 – 2022)]

Như vậy, diện bao phủ của BHXH đã được cải thiện dần trong ban hành chính sách, theo đó, đối tượng tham gia được mở rộng rất nhiều. Điều này được thể hiện qua kết quả số người tham gia BHXH ở TP.HCM luôn tăng qua các năm. Qua đó, cho thấy Thành phố thực hiện khá thi chính sách ASXH về bảo hiểm xã hội hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của đối tượng bảo trợ xã hội và người dân.

3.2.2.2. Thực trạng về chính sách an sinh xã hội về bảo hiểm thất nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3.5: Số người tham gia BHTN giai đoạn từ năm 2016 đến năm 2021

(Đơn vị tính: người)

Chỉ tiêu	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tổng số người tham gia BHTN	2.044	2.191	2.244	2.430	2.334	2.244
Tốc độ tăng (%)	6,4%	7,2%	2,4%	8,3%	-3,9%	-3,9%

[Nguồn: BHXH TP.HCM (từ năm 2019 đến năm 2022)]

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, vẫn còn gặp nhiều hạn chế, khó khăn, cụ thể như còn một số lượng nhỏ đơn vị đang rà soát danh sách lao động thuộc đối tượng hưởng hỗ trợ do khó khăn trong việc xác định các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg.

3.2.3. Thực trạng chính sách an sinh xã hội về trợ giúp xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.2.3.1. Thực trạng chính sách an sinh xã hội về trợ giúp xã hội thường xuyên ở Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 3.8: Tổng hợp số lượng đối tượng BTXH thụ hưởng chính sách TGXH thường xuyên ở TP.HCM

Đơn vị tính: ngàn đối tượng

Năm	Số đối tượng BTXH thụ hưởng chính sách TGXH thường xuyên
2016	129.091
2017	131.085
2018	133.644
2019	145.348
2020	144.487
2021	129.112
2022	135.729

[Nguồn tác giả tổng hợp từ các Báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh qua các năm]

Như vậy, Thành phố xây dựng, ban hành nhiều chương trình, kế hoạch tổ chức thực thi chính sách ASXH về trợ giúp xã hội, mở rộng độ bao phủ của chính sách, hướng đến tính công bằng của chính sách trong việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của đối tượng BTXH và nhóm xã hội dễ bị tổn thương sinh sống ở Thành phố.

3.2.3.2. Thực trạng chính sách an sinh xã hội về trợ giúp xã hội đột xuất ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố xây dựng, ban hành nhiều chương trình, kế hoạch tổ chức thực thi chính sách ASXH về trợ giúp xã hội, mở rộng độ bao phủ của chính sách, hướng đến tính công bằng của chính sách trong việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của đối tượng BTXH và nhóm xã hội dễ bị tổn thương sinh sống ở Thành phố.

3.2.3.3. Thực trạng chính sách ưu đãi xã hội

Báo cáo công tác người cao tuổi 6 tháng và năm 2016, kết quả Tháng hành động vì người cao tuổi năm 2016; kết quả 01 năm phân cấp quận/huyện thực hiện chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi. Tập huấn cho lãnh đạo, cán bộ các sở/ngành, quận/huyện, phường/xã và lãnh đạo, nhân viên,

cộng tác viên của các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập về lĩnh vực người khuyết tật; về chính sách, chế độ, kỹ năng tự chăm sóc bản thân cho người cao tuổi và gia đình của người cao tuổi. Hướng dẫn, thẩm định, tham mưu Sở quyết định gia hạn việc công nhận cơ sở sản xuất – kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật đối với 02 doanh nghiệp [122,142].

3.2.4. Thực trạng chính sách an sinh xã hội về dịch vụ xã hội cơ bản ở Thành phố Hồ Chí Minh

Hệ thống dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân, đặc biệt là người nghèo, người yếu thế và đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện về số lượng và chất lượng, góp phần nâng cao phúc lợi, đảm bảo cuộc sống an toàn và hạnh phúc của nhân dân. Bên cạnh đó, các lĩnh vực: Giáo dục tối thiểu, y tế tối thiểu, nhà ở tối thiểu, nước sạch, tiếp cận thông tin đã đạt kết quả tích cực. Cụ thể:

3.2.4.1. Giáo dục tối thiểu

Phổ cập giáo dục đã hoàn thành trước thời hạn từ cấp mầm non đến trung học cơ sở; 63/63 tỉnh, thành phố hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học. Giáo dục nghề nghiệp đạt được những kết quả tích cực, đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 65% vào năm 2020 (trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề từ 3 tháng trở lên có chứng chỉ, bằng cấp đạt 24,5%). Các chỉ tiêu về giáo dục tối thiểu đều đạt mục tiêu đề ra.

3.2.4.3. Nhà ở tối thiểu

Chiến lược phát triển nhà ở Thành phố đã đặt ra mục tiêu “đến năm 2020, diện tích nhà ở bình quân đầu người của thành phố là 19,8 m²/người. Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, diện tích nhà ở bình quân đầu người năm 2019 của thành phố là 19,2 m²/người

3.2.4.4. Nước sạch

Chính phủ đã tập trung nguồn lực để phát triển mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, nhất là tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch theo tiêu chuẩn quốc gia ngày càng tăng, song vẫn còn nhiều thách thức để đạt được mục tiêu.

3.2.4.5. Tiếp cận thông tin

Từ năm 2017, đã hoàn thành mục tiêu 100% xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo được phủ sóng phát thanh mặt đất và truyền hình mặt đất. Đến năm 2018, 90% xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo có đài truyền thanh xã; đến hết năm 2020, tỷ lệ các xã miền núi, vùng xa biên giới đạt 100%.

3.3. Đánh giá chung về hiệu quả chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

Luận án dựa trên cơ sở những kết quả luận giải, đánh giá, phân tích thực trạng thực thi chính sách ASXH tại mục 3.2 để làm cơ sở đánh giá hiệu lực, hiệu quả chính sách ASXH ở TP.HCM.

3.3.1. Những thành tựu đạt của chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, chính quyền Thành phố đã, đang ngày một nỗ lực trong việc hoạch định, xây dựng và thực hiện. Như vậy, từ kết quả luận giải, đánh giá những thành tựu về chính sách ASXH cho thấy trải qua hơn 40 xây dựng và phát triển, TP.HCM đã, đang trở thành một trong những thành phố đứng đầu về mức độ tăng trưởng kinh tế; hội nhập quốc tế sâu, rộng; ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, chuyển đổi số, công nghệ trí tuệ nhân tạo, ... Đồng thời, Thành phố đã căn cứ vào tính đặc thù của tiềm năng về kinh tế, lợi thế về vị trí địa lý, lịch sử, văn hóa, xã hội để xây dựng chính quyền đô thị thông minh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, thương mại số, ... đã đạt được những thành tựu vĩ mô về kinh tế. Tuy nhiên, Thành phố luôn đảm bảo phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó chú trọng đến tăng cường quản lý phát triển xã hội, thông qua những chính sách vĩ mô về ASXH để bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, ổn định chính trị hướng đến đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân trên địa bàn.

3.3.2. Những hạn chế, bất cập về chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, những quy về chính sách pháp luật về ASXH chưa đồng bộ, chưa kịp thời và chậm sửa đổi, thiếu sự linh hoạt và chưa phù hợp với tình hình thực tế và đặc biệt là thụ động trong quá trình vận dụng

Thứ hai, quy định về định mức trợ giúp xã hội chưa phù hợp với tình hình thực tiễn và xu thế phát triển, đặc biệt là mức trượt giá do tác động của lạm phát đối với nền kinh tế, dẫn đến tình trạng đối tượng bảo trợ xã hội chưa thể đảm bảo được mức sống tối thiểu

Thứ ba, mức độ bao phủ của chính sách ASXH đối với người dân còn hạn chế đặc biệt là tỷ lệ người già neo đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, người bị sốc về tâm lý,... rơi khỏi trợ giúp xã hội.

Thứ tư, hành lang pháp lý quy định về các chính sách xã hội hóa đối với quá trình thực thi chính sách ASXH nhằm thu hút sự đồng hành của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước vẫn còn hạn chế.

Thứ năm, chậm đổi mới và số hóa trong quá trình thực thi chính sách ASXH, chưa cập nhật cơ sở dữ liệu cá nhân của đối tượng bảo trợ xã hội, thực thi các chính sách trợ giúp xã hội đột xuất và thường xuyên vẫn còn thủ công

Thứ sáu, các chính sách an sinh xã hội vẫn thực hiện theo cơ chế xin và cho, phản án tính thụ động trong thiết kế chính sách hơn là tính kích cầu của chính sách.

3.3. Đánh giá chung về quá trình tổ chức thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

3.3.1. Những thành tựu đạt được từ quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, chính quyền Thành phố đã, đang ngày một hoàn thiện hệ thống thể chế pháp luật, chính sách, chương trình, đề án, kế hoạch tổ chức thực thi chính sách an sinh xã hội; các chính sách về việc làm, giảm nghèo và đảm bảo thu nhập tối thiểu, chính sách xoá đói, giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, trợ giúp xã hội và cung ứng các dịch vụ cơ bản,... ngày một hoàn thiện gắn liền với đặc điểm của từng nhóm đối tượng và tính đặc thù của địa phương nhằm đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân sinh sống ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ hai, thực thi chính sách an sinh xã hội gắn liền với các nội dung quản lý nhà nước như một sự tất yếu, vì vậy chính quyền Thành phố đã không ngừng hoàn thiện cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động việc làm nói chung và an sinh xã hội nói riêng.

Thứ ba, Chính quyền Thành phố đã không ngừng phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đội ngũ công tác xã hội về cả số lượng và chất lượng, đã và đang được chuẩn hóa và không ngừng nâng cao về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và phẩm chất đạo đức để đủ nguồn lực tham gia vào quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội.

Thứ tư, về hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, chính quyền Thành phố đã có nhiều nỗ lực trong hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế, hợp tác công tư, vì vậy đã sớm học hỏi và kế thừa được kinh nghiệm về các mô hình an sinh xã hội của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt mô hình an sinh xã hội của các quốc gia Bắc Âu, Nhật Bản về chính sách an sinh xã hội đối với người già,... đã có những bước khởi động ban đầu cho quá trình chuyển đổi các mô hình an sinh xã hội trong đó, các chính sách về trợ giúp xã hội, đặc biệt là các mô hình hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội phù hợp với điều kiện phát triển và xu thế hội nhập quốc tế.

Thứ năm, chính quyền Thành phố đã có những đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn kinh phí cung ứng cho quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội, đặc biệt đã đổi mới cơ sở bảo trợ xã hội hoạt động, về cơ bản cơ sở vật chất đã được trùng tu, sửa chữa và xây dựng mới đảm bảo được một phần nơi ở của nhóm xã hội dễ bị tổn thương theo đúng quy định của pháp luật; trang thiết bị dùng chăm sóc sức khỏe, hồi chức năng cho người khuyết tật đã được nâng cấp và cải tiến, phù hợp với các nhóm đối tượng; nguồn ngân sách trung ương, địa phương, chi cho hoạt động thường xuyên liên quan đến các vấn đề đảm bảo xã hội luôn tăng và đảm bảo; nguồn kinh

phí nhận được từ sự hỗ trợ của đối tác tham gia tăng. Nguồn kinh phí được chi đúng đối tượng và đúng mục đích.

Thứ sáu, chính sách ASXH được ngày một mở rộng độ bao phủ, quá trình vận dụng và thực thi có hiệu quả, đồng bộ đã góp phần giải quyết tốt các vấn đề xã hội ở TP.HCM, cụ thể như:

- Về chính sách việc làm
- Về chính sách xóa đói, giảm nghèo
- Về chính sách bảo hiểm xã hội

- Về chính sách trợ giúp xã hội, các chính sách xã hội thường xuyên đã không ngừng mở rộng độ bao phủ, như chính sách đối với người già, chính sách trợ giúp trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, chính sách phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, người tàn tật, người khuyết tật; các chính sách trợ giúp đối xuất cũng đã thực thi một cách linh hoạt, kịp thời để đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần khi có những bất trắc, bất thường, bất ổn định tác động vào đời sống, điển hình là Covid-19.

- Về chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản

3.3.2. Những hạn chế trong quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, những quy định của pháp luật và chính sách an sinh xã hội chưa đồng bộ, chưa kịp thời và chậm sửa đổi, thiếu sự linh hoạt và chưa phù hợp với tình hình thực tế và đặc biệt là thụ động trong quá trình vận dụng, thực thi chính sách an sinh xã hội trong bối cảnh bất thường, dẫn đến một số người dân rơi khỏi sàn bao phủ của chính sách.

Thứ hai, quy định về định mức trợ giúp xã hội chưa phù hợp với tình hình thực tiễn và xu thế phát triển, đặc biệt là mức trượt giá do tác động của lạm phát đối với nền kinh tế, dẫn đến tình trạng đối tượng bảo trợ xã hội chưa thể đảm bảo được mức sống tối thiểu và khó khăn trong việc tiếp cận các dịch vụ cơ bản.

Thứ ba, mức độ bao phủ của chính sách an sinh xã hội đối với người dân còn hạn chế đặc biệt là tỷ lệ người già neo đơn không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn, người bị sốc về tâm lý,... rơi khỏi trợ giúp xã hội.

Thứ tư, hành lang pháp lý quy định về các chính sách xã hội hóa đối với quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội nhằm thu hút sự đồng hành của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp ngoài nhà nước vẫn còn hạn chế. Vì vậy, chưa phát huy hết tiềm lực của tổ chức ngoài nhà nước có nhu cầu, nguyện vọng đồng hành cùng với chính quyền chia sẻ trách nhiệm cộng đồng vì sự tiến bộ, văn minh, hiện đại, nghĩa tình của người dân ở Thành phố.

Thứ năm, hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát đối với quá trình thực thi chính sách vẫn còn hạn chế, chưa thường xuyên, chưa kịp thời, đặc biệt là hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát tại các cơ sở bảo trợ xã hội công lập và ngoài công lập.

Thứ sáu, chậm đổi mới và số hóa trong quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội, chưa cập nhật cơ sở dữ liệu cá nhân của đối tượng bảo trợ xã hội, thực thi các chính sách trợ giúp xã hội đột suất và thường xuyên vẫn còn thủ công, điều này mâu thuẫn trực tiếp với xu thế hội nhập và ứng dụng khoa học công nghệ 4.0 đặc biệt là quá trình số hóa đang diễn ra trên mọi phương diện từ kinh tế, đến hành chính.

Thứ bảy, các chính sách an sinh xã hội vẫn thực hiện theo cơ chế xin và cho, phản án tính thụ động trong thiết kế chính sách hơn là tính kích cầu của chính sách.

3.3.3. Những nguyên nhân của hạn chế về chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

Thứ nhất, xuất phát từ sự thiếu linh hoạt, chậm điều chỉnh và sửa đổi hệ thống văn bản pháp luật và các chính sách an sinh xã hội, mặt khác khi thực hiện điều chỉnh, sửa đổi chưa dựa trên những dự báo về xu thế tác động của sự bất trắc, bất thường, bất ổn định,....

Thứ hai, thiếu tính thực tiễn và linh hoạt trong việc xây dựng các tiêu chí xét duyệt đối tượng bảo trợ xã hội; xây dựng nhưng không đi đôi với việc đánh giá tác động của chính sách,

dẫn đến xa rời thực tiễn, không gắn kết với các đặc điểm của đối tượng, dẫn đến chông chéo trong tiêu chí, nhầm đối tượng thụ hưởng, cán bộ lúng túng trong thực thi chính sách.

Thứ ba, Kỹ năng nghiệp vụ và năng lực ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ công chức viên chức còn hạn chế dẫn ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng mở rộng, duy trì và kết nối với các đối tác. Năng lực và kỹ năng của đội ngũ công tác xã hội vẫn còn hạn chế, cơ chế về chế độ tiền lương, chế độ đãi ngộ hạn chế do đó tác động trực tiếp đến chất lượng thực hiện các chính sách trợ giúp xã hội.

Thứ tư, từ sự thâm hụt ngân sách của trung ương, ngân sách chi thường xuyên cho thực hiện chính sách an sinh xã hội của địa phương còn hạn hẹp; đồng thời cơ chế, chính sách, phương thức vận động tuyên truyền và quan hệ công chúng, hợp tác công tư chưa mang lại hiệu quả dẫn đến chưa thu hút được đông đảo đối tác tham gia dẫn đến thiếu nguồn kinh phí.

Thứ năm, năng lực chủ thể quản lý nhà nước trong việc hoạch định chính sách còn hạn chế, kỹ năng ngoại ngữ và năng lực, khả năng đối ngoại của đội ngũ cán bộ công chức viên chức còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của ngành và xu thế phát triển kinh tế - xã hội và tính đặc thù trong hội nhập quốc tế ở Thành phố.

Thứ sáu, đối tác tham gia thực hiện các nội dung hoạt động của chính sách an sinh xã hội ngày càng đa dạng, nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập quốc tế của thành phố tác động đến việc hình thành và thay đổi các đặc điểm và nhu cầu của đối tượng bảo trợ xã hội.

Như vậy, căn cứ vào mục đích nghiên cứu, tại chương này luận án đã sử dụng các phương pháp để tiến hành nghiên cứu thực trạng thực thi chính sách ASXH ở Thành phố Hồ Chí Minh, thông qua đó làm cơ sở để luận giải, đánh giá hiệu quả của chính sách ASXH trong việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

Về thực trạng chính sách ASXH, luận án vận dụng đồng thời các tiêu chí đánh giá hiệu quả chính sách, các nhân tố tác động đến hiệu quả của chính sách để tập trung phân tích 4 nhóm chính sách ASXH cơ bản: (1) chính sách việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu và giảm nghèo; (2) Chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp; (3) chính sách trợ giúp xã hội; (4) Chính sách đảm bảo các dịch vụ xã hội cơ bản. Trên cơ sở phân tích thực trạng, luận án tiến hành đánh giá những ưu điểm, những hạn chế và chỉ ra những nguyên nhân. Nội dung nghiên cứu của chương 3 có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn làm cơ sở để tiến hành đề xuất các giải pháp ở chương 4.

CHƯƠNG 4: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

4.1. Phương hướng xây dựng chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.1. Thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh xuất phát từ quan điểm của đảng về phát triển an sinh xã hội

Việc tổng kết quan điểm của Đảng về an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội không chỉ có ý nghĩa khái quát một vấn đề lý luận xuyên suốt của Đảng nhằm phục vụ cho quá trình tiếp cận, nghiên cứu của luận án, mà quan trọng hơn chính là cơ sở, nền tảng vững chắc cho việc tổ chức, triển khai thực hiện xây dựng phương hướng thực thi các chính sách an sinh xã hội. Đồng thời, đề xuất những giải pháp quản lý phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay.

Trong từng giai đoạn lịch sử - xã hội, tùy vào từng thời kỳ để Đảng, nhà nước đề ra những định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội khác nhau. Cách mạng tháng tám năm 1945 thành công, khi đất nước phải đối diện với muôn vàn khó khăn, một trong số đó là nạn đói. Trong bối cảnh đó, mặc dù ngân sách nhà nước hạn hẹp, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra quan điểm: *“Làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”*.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI, VII, VIII, Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, khẳng định quan điểm mới về xã hội hóa về các lĩnh vực xã hội, đồng thời khẳng định vai trò của nhà nước trong việc huy động người dân tham gia vào các hoạt động từ thiện xã hội: *“Các chính sách xã hội phải được tiến hành theo tinh thần xã hội hóa, đề cao trách nhiệm của chính quyền các cấp, huy động các nguồn lực trong nhân dân và sự tham gia của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội”*.

Quá trình tổ chức thực hiện Nghị quyết đại hội Đảng qua các thời kỳ đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010 và 20 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, Đảng cũng nêu lên những khuyết điểm và hạn chế cần phải được khắc phục trong những nội dung mang tính tổng thể thì vấn đề an sinh xã hội đã được quan tâm và chú trọng *“... chế độ phân phối còn nhiều bất hợp lý, phân hoá giàu nghèo tăng lên. Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường chậm được khắc phục; tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tội phạm, tệ nạn xã hội, suy thoái đạo đức, lối sống chưa được ngăn chặn, đẩy lùi...”*.

Trong Văn kiện Đại hội XI (Cương lĩnh, chiến lược phát triển kinh tế xã hội), Văn kiện Đại hội XII (Phương hướng phát triển Việt Nam đến năm 2020), Chiến lược Phát triển kinh tế xã hội Việt Nam giai đoạn 2011- 2020 của Chính phủ, Quan điểm của Đảng về an sinh xã hội và bảo trợ xã hội và phương hướng phát triển được cụ thể hóa trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020. Bên cạnh đó, còn được cụ thể trong chiến lược đảm bảo an sinh xã hội đến năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012 của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về chính sách xã hội giai đoạn 2012- 2020; Nghị quyết 70/NQ-CP của Chính phủ ngày 01/11/2012 về chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TW; Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội 2011- 2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm 2011- 2015 (ban hành kèm theo Nghị quyết 10/NQ-CP ngày 24/4/2012) cũng nêu rõ: Một trong những nhiệm vụ chủ yếu của Chính phủ là: *“Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hài hòa với phát triển kinh tế, tập trung giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”*.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012- 2020 (Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012) xác định quan điểm chính sách xã hội giai đoạn 2012- 2020 là: *“(1) Không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. (2) Chính sách ưu đãi người có công và an sinh xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động, cân đối nguồn lực của đất nước trong từng thời kỳ; ưu tiên người có công, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số. (3) Hệ thống an sinh xã hội phải đa dạng, toàn diện, có tính chia sẻ giữa Nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thể hệ và giữa các thể hệ; bảo đảm bền vững, công bằng. (4) Nhà nước bảo đảm thực hiện chính sách ưu đãi người có công và giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia. Đồng thời tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh. (5) Tăng cường hợp tác quốc tế để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách an sinh xã hội”*.

Chiến lược hội nhập quốc tế về lao động và xã hội đến năm 2020, tầm nhìn 2030 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 145/QĐ-TTg ngày 20/01/2016) đặt ra mục tiêu đến năm 2020, tầm nhìn 2030 là: *“Phát triển hệ thống ASXH quốc gia hiệu quả, tăng cường bảo vệ các nhóm yếu thế phù hợp với các tiêu chuẩn khu vực và quốc tế. Đến năm 2020, bảo đảm mức tối thiểu về thu*

nhập, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch và thông tin cho người dân; tiếp cận các tiêu chí sàn ASXH của quốc tế".

Như vậy, có thể nhận thấy những phương hướng phát triển hệ thống an sinh xã hội trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2020 tầm nhìn năm 2030 chủ yếu nhấn mạnh vào 5 vấn đề trọng tâm, tác động trực tiếp đến quá trình xây dựng phương hướng thực hiện các chính sách an sinh xã hội ở Thành phố như sau:

Thứ nhất, xem việc đảm bảo an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Thứ hai, phát triển hệ thống an sinh xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội và khả năng huy động và cân đối nguồn lực của đất nước trong từng thời kỳ; ưu tiên người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người nghèo và đồng bào dân tộc thiểu số.

Thứ ba, xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, toàn diện, có tính chia sẻ giữa nhà nước, xã hội và người dân, giữa các nhóm dân cư trong một thể hệ và giữa các thể hệ, bảo đảm bền vững, công bằng.

Thứ tư, Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội, đồng thời tạo điều kiện để người dân nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh.

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế để có thêm nguồn lực, kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện chính sách an sinh xã hội.

4.1.2. Xây dựng chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp mục tiêu của Đảng về phát triển an sinh xã hội

a. Mục tiêu tổng quát về chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2022 - 2030 tầm nhìn năm 2045

Phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội cho đối tượng yếu thế theo hướng hội nhập quốc tế; tạo môi trường sống an toàn, thân thiện và lành mạnh cho trẻ em; giảm khoảng cách giới trong những lĩnh vực, ngành, vùng, địa phương có bất bình đẳng giới hoặc có nguy cơ bất bình đẳng giới cao; nâng cao chất lượng, hiệu quả cai nghiện ma túy, tuyên truyền phòng, chống mại dâm, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán trở về, góp phần đảm bảo an sinh trật tự và an toàn xã hội, hướng tới mục tiêu công bằng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

b. Mục tiêu cụ thể về trợ giúp xã hội, phát triển mạng lưới cơ sở bảo trợ xã hội đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của đối tượng bảo trợ xã hội

4.1.3. Xây dựng chính sách an sinh xã hội phù hợp với quan điểm, mục phát triển an sinh xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh

4.1.3.1. Xây dựng chính sách an sinh xã hội phù hợp với quan điểm của Thành phố phát triển hệ thống an sinh xã hội giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn năm 2030

Thành phố triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 tầm nhìn năm 2030 trong bối cảnh vừa có thời cơ, thuận lợi, vừa có nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới và khu vực có nhiều chuyển biến phức tạp; khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng, kinh tế thế giới phục hồi chậm; khủng hoảng chính trị ở nhiều nơi, nhiều nước; diễn biến rất phức tạp trên Biển Đông, đặc biệt là bối cảnh bất trắc, bất thường, bất ổn định cụ thể là dịch bệnh Covid-19. Những hạn chế, yếu kém vốn có của nền kinh tế, cùng những khó khăn mới phát sinh đã ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện đảm bảo an sinh xã hội cho cư dân ở Thành phố. Thành phố đưa ra những quan điểm và tiến hành xây dựng, tổ chức thực hiện hàng loạt các chương trình đảm bảo an sinh xã hội ở Thành phố, cụ thể như quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (2011 - 2015), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ IX (2010 - 2015); các Kết luận về tình hình kinh tế - xã hội hàng năm và các Nghị quyết, Kết luận chuyên đề của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI).

Đặc biệt, Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/8/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, Quyết định số 2631/QĐ-TTg ngày

31/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội TP. Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025; Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành đại hội và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX, đây được xem là thời kỳ Thành phố Hồ Chí Minh triển khai cùng một lúc nhiều chiến lược về an sinh xã hội và bảo trợ xã hội, cụ thể như thực hiện các chương trình xóa đói giảm nghèo, các chương trình dạy nghề, đào tạo, hỗ trợ việc làm cho những cá nhân hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh xác định “*Giải quyết kịp thời các vấn đề xã hội bức xúc, nhất là lao động, việc làm, bồi thường, tái định cư; đẩy mạnh chương trình giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng sống của nhân dân, ... kéo giảm chênh lệch mức sống, hưởng thụ văn hóa giữa các tầng lớp dân cư, giữa đô thị và nông thôn*”.

Thực hiện và triển khai nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 10/08/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020. Thành phố Hồ Chí Minh xác định rất rõ về mục tiêu phát triển Thành phố văn minh và bền vững. Để phát triển bền vững Thành phố Hồ Chí Minh xác định vấn đề an sinh xã hội là một trong những mục tiêu trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo quyền bảo trợ xã hội của người dân phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2015 - 2025 tầm nhìn năm 2030. Đồng thời, Đại hội Đảng ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (2010-2015) xác định thực hiện và xã hội hóa về an sinh xã hội và bảo trợ xã hội. Trong bối cảnh đó TP. Hồ Chí Minh xác định mục tiêu phát triển xã hội không chỉ thuần túy là sự phát triển riêng của lĩnh vực xã hội, mà là sự phát triển đồng thời của phương diện xã hội thuộc các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, nhằm đảm bảo cho con người được phát triển một cách toàn diện.

4.1.4. Xây dựng chính sách an sinh xã hội phù hợp với xu thế phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh

Trên cơ sở quan điểm của đảng về phát triển an sinh xã hội, bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội,... kết hợp với quan điểm, mục tiêu phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trở thành một Thành phố “Văn minh - Hiện đại - Nghĩa tình”, đặc biệt trên cơ sở thực trạng về số lượng, chất lượng sống của đối tượng bảo trợ xã hội, cũng như dự báo về xu thế gia tăng số lượng và đa dạng hóa đối tượng bảo trợ xã hội để xây dựng sản an sinh xã hội cuối cùng nhằm đảm bảo mức sống tối thiểu của nhóm xã hội dễ bị tổn thương ở Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh

4.2.1. Hoàn thiện các quy định của pháp luật về chính sách an sinh xã hội

4.2.1.1. Mục đích

Giải pháp nhằm hướng đến việc tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật về chính sách an sinh xã hội trên cơ sở đó tạo ra một hành lang pháp lý phù hợp, làm công cụ thực thi hiệu quả chính sách an sinh xã hội hướng đến đảm bảo quyền cơ bản của người dân và nhóm xã hội dễ bị tổn thương.

4.2.1.2. Nội dung giải pháp

Hiện nay các cơ quan có thẩm quyền ban hành khá nhiều văn bản về chính sách an sinh xã hội. Các văn bản này đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng cho hoạt động thực thi chính sách an sinh xã hội.

4.2.1.3. Cách thức thực hiện

4.2.1.4. Điều kiện thực hiện

4.2.2. Giải pháp về hoàn thiện tổ chức bộ máy tổ chức thực thi chính sách an sinh xã hội

4.2.2.1. Mục đích

Giải pháp này hướng đến mục đích xây dựng và hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước đối với chính sách an sinh xã hội từ trung ương đến địa phương theo hướng tinh giản, gọn nhẹ, khoa học,

không chồng chéo, đồng thời xây dựng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước đối với chính sách an sinh xã hội một cách cụ thể, rõ ràng, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về chính sách an sinh xã hội.

4.2.2.2. Nội dung giải pháp

Trong bối cảnh của chương trình Tổng thể cải cách hành chính đang diễn ra mạnh góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, đối với hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương cần hướng đến việc tinh giản các đầu mối quản lý cũng như quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, ngành về quản lý nhà nước. Trong hoạt động quản lý nhà nước về chính sách an sinh xã hội cần hướng đến việc xác định rõ chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của các cấp, các ngành ở Thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt là xác định vị trí, vai trò của cấp xã, phường trong công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội.

4.2.2.3. Cách thức thực hiện

4.2.2.4. Điều kiện thực hiện

4.2.3. Giải pháp về nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, cán sự xã hội thực thi chính sách an sinh xã hội

4.2.3.1. Mục đích

Giải pháp này hướng đến mục đích nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, công tác xã hội trong thực hiện chính sách an sinh xã hội. Thông qua việc nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và phát triển đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, công tác xã hội sẽ góp phần tạo ra một đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, cán sự xã hội có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức tốt, hướng đến xây dựng một nguồn nhân lực có chất lượng cao cho lĩnh vực này.

4.2.3.2. Nội dung giải pháp

Để nâng cao hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội thì việc nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức, cán sự trong lĩnh vực này là cần thiết và quan trọng. Do đó, Chính phủ, UBND Thành phố Hồ Chí Minh cần xây dựng được các chương trình, kế hoạch cho chiến lược phát triển nhân sự thực hiện chính sách an sinh xã hội.

4.2.3.3. Cách thức thực hiện

4.2.3.4. Điều kiện thực hiện

4.2.4. Giải pháp về tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với quá trình tổ chức, triển khai thực thi chính sách an sinh xã hội

4.2.4.1. Mục đích

Giải pháp này nhằm thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra đối với các hoạt động thực thi các nội dung của chính sách an sinh xã hội, qua đó nắm bắt những điểm mạnh, những mặt tích cực trong quá trình thực hiện hoạt động quản lý nhà nước và thực hiện chính sách an sinh xã hội để kịp thời phát hiện và xử lý những sai phạm, điều chỉnh hành vi cá nhân, tổ chức khi bị sai phạm; nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của các chính sách an sinh xã hội, đảm bảo an ninh đời sống vật chất và tinh thần của đối tượng bảo trợ xã hội.

4.2.4.2. Nội dung giải pháp

4.2.4.3. Cách thức thực hiện

4.2.4.4. Điều kiện thực hiện

4.2.5. Giải pháp về tăng cường hoạt động truyền thông, vận động quần chúng, phổ biến chính sách, pháp luật về chính sách an sinh xã hội

4.2.5.1. Mục đích

Giải pháp này hướng đến mục đích tăng cường sự tương tác giữa cơ quan hành chính nhà nước đối với xã hội về vai trò của nhà nước trong việc thực hiện các chức năng thực thi chính sách an sinh xã hội nhằm thu hút sự tham gia, cộng tác của các thành phần trong xã hội cũng như các đối tác nước ngoài nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội. Qua đó, góp

phần nâng cao hiệu quả an sinh xã hội đối với các vấn đề xã hội, chính sách xã hội, chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2.5.2. Nội dung giải pháp

4.2.5.3. Cách thức thực hiện

4.2.5.4. Điều kiện thực hiện

4.2.6. Giải pháp về tăng cường các điều kiện về tài chính, kinh tế, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội

4.2.6.1. Mục đích

Giải pháp này hướng đến mục đích cung ứng đầy đủ các điều kiện về vật chất (trụ sở, trang thiết bị làm việc, tài chính, cơ sở dữ liệu về an sinh xã hội, ...) nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2.6.2. Nội dung giải pháp

4.2.6.3. Cách thức thực hiện

4.2.6.4. Điều kiện thực hiện

4.3. Mối quan hệ giữa các giải pháp.

Các biện pháp trên có thể chưa tổng quát hết những nội dung cần thiết trong việc thực hiện chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đó là những biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả thực thi các nội dung chính sách an sinh xã hội ở Thành phố.

Chương 4, trên cơ sở định hướng của Đảng, chính quyền Thành phố xây dựng và ban hành hệ thống văn bản pháp luật, các chương trình chính sách an sinh xã hội, từ đó làm cơ sở để định hướng, điều chỉnh và kiểm soát mọi hoạt động tổ chức thực thi chính sách ASXH. Luận án, trên cơ sở lý luận chung, luận án đã xây dựng các định hướng để làm cơ sở về pháp lý, kết hợp với cơ sở khoa học đã được nghiên cứu ở chương 3, tiến hành xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tổ chức thực thi về chính sách ASXH ở Thành phố. Mỗi giải pháp đều được xác định từng mục tiêu, phương án và cách thức tổ chức thực hiện, điều kiện để tổ chức thực hiện. Những giải pháp có tính gợi mở về mặt lý luận và thực tiễn trong hoạt động tổ chức thực thi chính sách ASXH.

KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu của luận án bao gồm những nội dung sau:

1. Hình thành khung lý thuyết về chính sách, đặc biệt xác định lý thuyết tiếp cận đối với từng vấn đề trong mối tương quan với chính sách an sinh xã hội để xây dựng khung của các khái niệm, và các nội dung thực thi chính sách an sinh xã hội, từ đó làm nền tảng lý luận xuyên suốt trong quá trình thực hiện nghiên cứu (xây dựng tiêu chí đánh giá thực trạng tại chương 3 và định hướng và xây dựng giải pháp tại chương 4).

2. Luận án đã minh chứng được tính đúng đắn của giả thuyết đặt ra trong thực hiện nghiên cứu, Chính quyền Thành phố đã vận dụng mô hình quản lý công kiểu mới trong hoạt động thực thi các nội dung của chính sách an sinh xã hội, tuy nhiên vẫn chưa mang lại hiệu lực và hiệu quả. Bên cạnh đó, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng nguyên tắc quản lý ngành và lãnh thổ tiến hành xây dựng thể chế tài chính của địa phương trích lũy từ nguồn ngân sách tự chủ, đầu tư cho chính sách an sinh xã hội, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước; mở rộng giao lưu quốc tế; xây dựng chính sách hợp tác kinh tế, hợp tác công – tư; tạo điều kiện, thu hút sự tham gia của cá nhân, tổ chức quốc tế tham gia vào các hoạt động của chính sách an sinh xã hội, góp phần thực hiện thành công chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố. Qua đó, tác động trực tiếp đến việc đảm bảo an ninh về đời sống vật chất và tinh thần của nhóm xã hội dễ bị tổn thương.

3. Luận án phân tích thực trạng chính sách an sinh xã hội với những thành tựu và hạn chế nhất định trên các nội dung thực thi của chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh: (1) Khái quát tình hình hoạt động của chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh; (2) Thực trạng về phân bổ đối tượng bảo trợ xã hội được tiếp cận với hệ thống các chính sách an sinh xã hội, như chính sách trợ giúp xã hội, đặc biệt đi sâu và phân tích chính sách xóa đói, giảm nghèo, chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,... ở Thành phố Hồ Chí Minh; (3) Thông qua việc đánh giá, phân tích thực trạng hoạt động thực thi chính sách an sinh xã hội, luận án nhận diện được những thành tựu, nguyên nhân dẫn đến bất cập, hạn chế, thách thức, và cả những cơ hội để hoàn thiện, nâng cao hiệu lực và hiệu quả thực thi chính sách an sinh xã hội, kết quả này trở thành căn cứ khoa học để luận giải và xây dựng các giải pháp.

4. Luận án đề xuất những giải pháp cụ thể về chính sách an sinh xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh nhằm nâng cao hiệu quả thực thi các chính sách an sinh xã hội gồm: (1) hoàn thiện các quy định của pháp luật; (2) hoàn thiện tổ chức bộ máy, đẩy mạnh sự phối hợp giữa các cơ quan; (3) nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ công chức viên chức, cán sự xã hội; (4) công tác thanh tra, kiểm tra; (5) về quan hệ công chúng; (6) cung ứng đầy đủ các điều kiện về vật chất và tinh thần.

5. Tiếp cận nghiên cứu về chính sách an sinh xã hội dưới bình diện của Khoa học về Kinh tế - Chính trị, từ kết quả nghiên cứu luận án gợi mở những hướng nghiên cứu tiếp theo như sau: xây dựng cơ sở dữ liệu an sinh xã hội trong bối cảnh hội nhập và ứng dụng khoa học công nghệ 4.0; Mở rộng độ bao phủ của chính sách an sinh xã hội cho nhóm xã hội dễ bị tổn thương trong bối cảnh bất trắc, bất thường, bất ổn định ở Thành phố Hồ Chí Minh; Xây dựng, ban hành chính sách xã hội hóa về chính sách an sinh xã hội; xã hội hóa cung ứng các dịch vụ công cơ bản; Quản lý nhà nước đối với nguồn kinh phí cung ứng cho quá trình thực thi chính sách an sinh xã hội./.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1. (2017), “Bảo đảm các chức năng cơ bản của Chính sách an sinh xã hội của Việt Nam trong hội nhập Quốc tế”, *Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, số 492-tháng 4 năm 2017.
2. (2017), “Hoàn thiện chính sách an sinh xã hội để phù hợp với chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam”, *Tạp chí Công thương* số 3 Tháng 3/2017.
3. (2017), “Vai trò của Nhà nước trong chính sách An sinh xã hội - kinh nghiệm và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Công thương* số 7 Tháng 6/2017.
4. (2021), “Current situation and solutions on social security policy in Ho Chi Minh City”, *Turkish Online Journal of Qualitative Inquiry (TOJQI) Volume 12, Issue 8 July 2021: 5704 - 5714*.
5. (2023), Thành phố Hồ Chí Minh đẩy mạnh công tác an sinh xã hội. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*; ISSN 2354-0761; Số 324 - Tháng 1/2023
- 6.(2024) Factorsaffectingsocialsecuritypolicyinhochiminhcity, Vietnam. Intern. ISSN 2525-3654. JournalofProfess. Bus. Review, Miami,v.9, n.3, p.01-21, e04357, 2024.
7. (2024) “Some Solutions To Improve The Effectiveness Of Implementation Of The Social Security Schedule In Ho Chi Minh City”- National Economics University Publishing House. P207-222.